Bản tin Khuyến nông Việt Nam

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Số 05 | 2026



Khuyến nông Việt Nam 1993

BẢN TIN KHUYẾN NÔNG VIỆT NAM

Ở đâu có nông dân, ở đó có khuyến nông

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
PGS.TS. Lê Quốc Thanh

BAN BIÊN TẬP
ThS. Hoàng Văn Hồng
TS. Lê Minh Lịnh
TS. Huỳnh Kim Định
ThS. Cao Minh Tuấn
ThS. Đỗ Phan Tuấn
ThS. Nguyễn Bá Tiến
TS. Hoàng Tuyển Phương
ThS. Đặng Xuân Trường
TS. Nguyễn Đức Hải
ThS. Doãn Văn Chiến

THƯ KÍ BIÊN TẬP
ThS. Đỗ Thị Việt Oanh

TRỤ SỞ TÒA SOẠN
16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội
ĐT: 024. 3728 2485
Email: tthlknqg@gmail.com
Website: khuyennongvn.gov.vn

Giấy phép xuất bản
số 26/GP-XBBT
ngày 22 tháng 6 năm 2026
Số lượng: 3.000 bản/số
Nơi in: Công ty Cổ phần In Hà Nội

Bìa 1: Thu hoạch muối tại Ninh Diêm, Khánh Hòa. Ảnh: CTV

TRONG SỐ NÀY

Thông tin chủ trương, chính sách nông nghiệp và môi trường

1. Kế hoạch sản xuất trồng trọt vụ Đông 2026 và các vụ năm 2027
4. Nhận định khí hậu khu vực Nam Bộ mùa khô năm 2026 - 2027
6. Đưa khoa học công nghệ trở thành động lực tăng trưởng ngành nông nghiệp

Hoạt động khuyến nông

8. Đánh thức tiềm năng, phát triển chuỗi giá trị khoai tây bền vững
10. Cán bộ khuyến nông – Cầu nối đưa VietGAHP vào thực tiễn sản xuất
12. Chuẩn hóa chuỗi sản xuất bưởi, nâng cao chất lượng và giá trị xuất khẩu
14. Quảng Ninh: Canh tác lúa giảm phát thải, hướng đi nông nghiệp xanh
16. Lúa – tôm hữu cơ: Hướng đi cho nông nghiệp sinh thái bền vững

Sự kiện khuyến nông

18. Mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói - chìa khóa nâng tầm giá trị nông sản
20. Thanh niên tiên phong đổi mới công tác khuyến nông trong kỷ nguyên số

Xây dựng nông thôn mới

22. Du lịch xanh mở hướng phát triển mới cho cây chè Phú Thọ

Mô hình, điển hình tiên tiến

24. Người đảng viên tiên phong trên vùng đất khó
26. Lào Cai: Nâng tầm giá trị măng mai, tạo sinh kế cho phụ nữ vùng cao
28. Hiệu quả mô hình chăn nuôi bò thịt theo hướng tuần hoàn
30. Đà Nẵng: Mở hướng nuôi cá chình ứng dụng công nghệ tuần hoàn nước
32. Hà Tĩnh: Nuôi cá vược lồng, đánh thức tiềm năng vùng nước lợ

Khoa học kỹ thuật và công nghệ

34. Các biện pháp giảm phát thải trong canh tác lúa
36. Giải pháp kỹ thuật nâng cao sức chống chịu với biến đổi khí hậu cho cà phê, hồ tiêu và sầu riêng
39. Sử dụng vi sinh hữu ích trong thức ăn chăn nuôi
40. Những lưu ý khi tái đàn vật nuôi
42. Bệnh do vi khuẩn gây ra trên cá nuôi lồng và biện pháp phòng, trị
44. **Tin thị trường**



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT VỤ ĐÔNG 2026 VÀ CÁC VỤ NĂM 2027

Tại các Hội nghị Sơ kết công tác sản xuất trồng trọt và thủy lợi phục vụ sản xuất năm 2026; triển khai kế hoạch năm 2027 các tỉnh phía Bắc, vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chỉ đạo và hướng dẫn một số nhiệm vụ trọng tâm của các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất vụ Đông 2026 và các vụ năm 2027, như sau:

1. Kế hoạch sản xuất vụ Đông 2026 và các vụ năm 2027

** Các tỉnh phía Bắc:*

- Đối với vụ Đông 2026: Phấn đấu diện tích 400 nghìn ha, sản lượng 4,8 - 5,0 triệu tấn; giá trị đạt 39 - 41 nghìn tỷ đồng; giá trị bình quân đạt 95 - 110 triệu đồng/ha. Cơ cấu cây trồng duy trì tỷ lệ cây ưa ấm chiếm 50-55%, cây ưa lạnh chiếm 45-50%.

- Đối với cây lúa năm 2027: Đạt diện tích 2.132,6 nghìn ha, năng suất bình quân 58,95 tạ/ha, tổng sản lượng đạt 12,57 triệu tấn.

- Đối với cây công nghiệp và cây ăn quả: Ổn định diện tích thâm canh chất lượng cao, kiểm soát chặt chẽ, tránh tình trạng phát triển nóng phá vỡ quy hoạch.

- Về tiêu chuẩn xuất khẩu: Đẩy mạnh cấp và giám sát mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói; tập huấn cho các vùng trồng tuân thủ nghiêm ngặt Quy định chống phá rừng (EUDR) của Liên minh châu Âu.

- Công tác bảo vệ thực vật: Xây dựng kịch bản để kiểm soát tốt các đối tượng dịch hại, không để bùng phát dịch, bảo vệ an toàn cây trồng.

** Các tỉnh vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long:*

- Tập trung thu hoạch nhanh, gọn diện tích lúa Thu Đông và Mùa 2026, vệ sinh đồng ruộng, bảo đảm thời gian cách ly giữa các vụ để xuống giống Đông Xuân 2026 - 2027 đúng khung thời vụ.

- Đối với vùng ven biển, cửa sông, cuối nguồn có nguy cơ xâm nhập mặn sớm ưu tiên bố trí trà sớm; trà muộn chỉ bố trí tại vùng chủ động hoàn toàn nguồn nước; phấn đấu kết thúc xuống giống toàn vụ trước ngày 10/01/2027. Đối với vùng Đông Nam Bộ và các vụ tiếp theo trong năm 2027, lịch xuống giống phải linh hoạt theo khả năng nguồn nước và điều kiện từng tiểu vùng.

- Cơ cấu giống lúa theo nguyên tắc "đúng giống - đúng vùng - đúng mùa vụ"; ưu tiên giống ngắn ngày, chất lượng cao, thích nghi hạn, mặn tại vùng có nguy cơ; tăng sử dụng giống xác nhận, giảm lượng giống gieo sạ, gắn cơ cấu giống với yêu cầu chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu.

- Đối với cây ăn quả, ưu tiên bảo vệ diện tích vườn cây hiện có, nhất là vùng chuyên canh và cây có giá trị cao; không mở rộng diện tích tại nơi chưa bảo đảm nguồn nước; điều chỉnh kế hoạch xử lý ra hoa, rải vụ và thu hoạch theo khả năng nguồn nước, sức khỏe cây và nhu cầu thị trường.

- Kế hoạch sản xuất năm 2027 phải được xây dựng theo từng tiểu vùng sinh thái và kịch bản nguồn nước; xác định rõ diện tích, thời vụ, cơ cấu giống/cây trồng, nhu cầu nước và vùng cần điều chỉnh hoặc chuyển đổi sản xuất. Ưu tiên năng suất, chất lượng, hiệu quả và an toàn sản xuất.

2. Một số nhiệm vụ trọng tâm

** Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố phía Bắc*

- Tập trung đẩy mạnh sản xuất, chăm sóc vụ Đông 2026; theo dõi tình hình thời tiết, tập trung chỉ đạo thu hoạch cây vụ đông nhanh, gọn, kịp thời; chủ động các phương án ứng phó, hạn chế thấp nhất thiệt hại do tác động của thời tiết gây ra.

- Sớm xây dựng kế hoạch cho các vụ sản xuất trong năm. Vụ Đông Xuân tuyệt đối không gieo, cấy lúa khi nhiệt độ dưới 15^{0}C, cần chuẩn bị các phương tiện, dụng cụ che chắn để chống rét cho mạ và chủ động đủ lượng giống lúa, rau màu ngắn ngày để kịp thời khôi phục sản xuất đề phòng rét đậm, rét hại gây thiệt hại sản xuất.

- Theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, lịch xả nước của các hồ chứa thủy điện để chủ động kế hoạch lấy nước phục vụ gieo cấy lúa Đông Xuân 2026-2027 và điều tiết nguồn nước linh hoạt, hợp lý. Khẩn trương kiểm tra, rà soát, tu bổ, xây mới các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất, kịp thời ứng phó khi mưa lũ xảy ra.

- Tăng cường áp dụng các giải pháp tưới nước tiết kiệm, phổ biến các biện pháp phòng chống hạn. Tiếp tục thực hiện chuyển những diện tích đất trồng lúa khó khăn về nước tưới sang gieo trồng các cây trồng khác có nhu cầu nước ít hơn và hiệu quả kinh tế cao hơn.

- Tăng cường kiểm tra đồng ruộng, theo dõi chặt chẽ, dự tính, dự báo chính xác tình hình phát sinh gây hại các đối tượng sinh vật gây hại, có biện pháp xử lý kịp thời, hiệu quả; chú ý các đối tượng sinh vật gây hại như: bệnh đạo ôn, bệnh lùn sọc đen hại lúa, rầy, sâu cuốn lá, khảm lá sắn, sâu keo mùa thu, ...

- Khuyến cáo người dân phát triển diện tích cây ăn quả, cây công nghiệp phù hợp, bám sát nhu cầu thị trường để đảm bảo đầu ra và chất lượng sản phẩm.

- Đẩy mạnh liên kết sản xuất theo chuỗi, giữa nông dân, tổ chức hợp tác, hợp tác xã với các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, xuất khẩu, hình thành vùng sản xuất hàng hóa lớn. Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, mô hình, quy trình canh tác mới nhằm nâng cao năng suất, chất lượng nông sản và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả công tác giám sát, kiểm tra mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói.

- Tăng cường thanh kiểm tra vật tư nông nghiệp đầu vào, đảm bảo chất lượng và số lượng phục vụ cho sản xuất; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm bảo vệ kết quả sản xuất và quyền lợi cho người dân.

** Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long:*

- Rà soát, cụ thể hóa kế hoạch sản xuất và phương án ứng phó hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn đến từng tiểu vùng, vùng sản xuất trọng điểm; xác định rõ khu vực bảo đảm nước để sản xuất, khu vực phải xuống giống sớm hoặc tăng trữ nước và khu vực cần giảm diện tích, chuyển thời vụ hoặc không bố trí sản xuất.

- Thường xuyên cập nhật thông tin khí tượng, thủy văn, nguồn nước, độ mặn và dự báo sinh vật gây hại để điều chỉnh thời vụ, cơ cấu giống và giải pháp kỹ thuật kịp thời; không để người dân



xuống giống, mở rộng diện tích hoặc xử lý ra hoa khi chưa bảo đảm nguồn nước đến cuối vụ hoặc hết chu kỳ nuôi trái.

- Chủ động tích trữ nước ngọt; nạo vét kênh, mương, ao trữ; củng cố bờ bao, cống kiểm soát mặn; kiểm tra độ mặn trước khi lấy nước. Áp dụng tưới tiết kiệm, tủ gốc giữ ẩm và các biện pháp giảm thất thoát nước.

- Đối với lúa, thực hiện đồng bộ giảm lượng giống, bón phân cân đối, quản lý dịch hại tổng hợp, cơ giới hóa, quản lý rơm rạ; tưới ngập - khô xen kẽ chỉ áp dụng tại nơi bảo đảm khả năng cấp nước trở lại và không để thiếu nước ở giai đoạn làm đòng - trỗ.

- Đối với cây ăn quả, không xử lý ra hoa trái vụ khi chưa bảo đảm đủ nước cho toàn bộ chu kỳ ra hoa - đậu trái - nuôi trái; ưu tiên nguồn nước ngọt cho sầu riêng và các cây mẫn cảm trong giai đoạn sinh trưởng nhạy cảm; vườn bị ảnh hưởng hạn, mặn phải ưu tiên phục hồi bộ rễ và sức cây trước khi xử lý ra hoa trở lại.

- Tăng cường kiểm tra đồng ruộng, vườn cây; dự tính, dự báo và phòng trừ sinh vật gây hại kịp thời; tăng cường kiểm tra, kiểm soát chất lượng giống, vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói.

** Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật:*

- Theo dõi sát kế hoạch sản xuất và diễn biến thời tiết, dịch hại, vùng có nguy cơ hạn, mặn và kịp thời tham mưu chỉ đạo các giải pháp kỹ thuật linh hoạt; tăng cường kiểm tra chất lượng vật tư nông nghiệp và hỗ trợ địa phương quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói.

- Tăng cường dự tính, dự báo sinh vật gây hại; hướng dẫn các địa phương các giải pháp canh tác giảm chi phí, tiết kiệm nước, giảm phát thải, bảo vệ sức khỏe đất và sử dụng vật tư nông nghiệp an toàn, hiệu quả.

- Phối hợp các đơn vị liên quan hướng dẫn quản lý chất lượng giống, vật tư nông nghiệp, mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc; tăng cường kết nối thông tin thị trường phục vụ tổ chức sản xuất.

** Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi:*

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến nguồn nước, xâm nhập mặn, khả năng cấp nước của từng hệ thống công trình; xác định cụ thể, khoanh vùng khu vực có nguy cơ thiếu nước, hạn hán, xâm nhập mặn và thông tin kịp thời cho Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, các địa phương để điều chỉnh kế hoạch sản xuất.

- Hướng dẫn vận hành công trình thủy lợi, lấy và trữ nước ngọt hợp lý; sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; phối hợp địa phương xây dựng phương án ngăn mặn, cấp nước cho lúa, cây ăn quả tập trung và các khu vực có nguy cơ cao trong mùa khô 2026 - 2027.

** Trung tâm Khuyến nông quốc gia và các Viện nghiên cứu:* Đẩy mạnh chuyển giao các gói kỹ thuật canh tác giảm chi phí, giảm phát thải; chọn tạo và cung ứng kịp thời các bộ giống chất lượng cao, chịu hạn, chịu rét để đưa vào sản xuất.

** Viện Lúa Đồng bằng sông Cửu Long:* tiếp tục rà soát, hoàn thiện, khuyến cáo cơ cấu giống lúa ngắn ngày, chất lượng cao, thích nghi hạn, mặn theo từng tiểu vùng; làm rõ phạm vi, điều kiện áp dụng và phối hợp chuyển giao gói kỹ thuật canh tác tiết kiệm nước, giảm chi phí, giảm phát thải.

** Viện Cây ăn quả miền Nam:* hoàn thiện hướng dẫn kỹ thuật thích ứng hạn, mặn, mưa trái mùa theo nhóm cây chủ lực; làm rõ mức độ mẫn cảm, giai đoạn cần ưu tiên bảo vệ, nguyên tắc trữ - tưới nước, chăm sóc và phục hồi vườn cây sau hạn, mặn; phối hợp địa phương hướng dẫn trực tiếp tại vùng nguy cơ cao.

** Hiệp hội và Doanh nghiệp:* Chủ động phương án cung ứng vật tư nông nghiệp đầu vào đảm bảo chất lượng và giá cả ổn định; chủ động cùng với địa phương xây dựng vùng nguyên liệu gắn với nhà máy sơ chế, bảo quản, nâng cao giá trị gia tăng và bao tiêu sản phẩm cho nông dân.

BBT



NHẬN ĐỊNH KHÍ HẬU KHU VỰC NAM BỘ MÙA KHÔ NĂM 2026-2027

Bà con chủ động tích trữ nước ngọt để ứng phó hạn, mặn





Triều cường khiến vườn sầu riêng tại tỉnh Đồng Tháp bị thiệt hại nặng

Theo nhận định mới nhất từ Đài Khí tượng Thủy văn Nam Bộ, hiện tượng El - Nino cường độ mạnh đang tiếp tục gia tăng, báo hiệu mùa khô 2026-2027 đối mặt với nắng nóng kéo dài, tổng lượng mưa thiếu hụt từ 10–30% và mùa mưa kết thúc sớm, cùng với nguy cơ xâm nhập mặn đến sớm, gay gắt trên diện rộng và 6 đợt triều cường đỉnh điểm cuối năm. Bản tin Khuyến nông Việt Nam xin giới thiệu những thông tin dự báo trọng tâm của Đài Khí tượng thuỷ văn Nam Bộ đến cán bộ khuyến nông và bà con nông dân nhằm chủ động tích trữ nước ngọt, điều chỉnh lịch thời vụ và triển khai các giải pháp sản xuất an toàn, hiệu quả.

1. Dự báo khí hậu từ tháng 10/2026 đến tháng 5/2027

- Xu thế ENSO: Hiện nay ENSO đang ở pha nóng El -Nino và có cường độ rất mạnh. Dự báo El -Nino tiếp tục gia tăng cường độ và có khả năng đạt đỉnh trong tháng 11 (vượt mức lịch sử năm 2015 - 2016).

- Xu thế khí tượng: Tháng 10 xuất hiện các đợt xâm nhập lạnh yếu từ lục địa Trung Quốc xuống phía Bắc nước ta. Tháng 11 áp cao lạnh lục địa tiếp tục hoạt động mạnh dần và lấn sâu xuống phía Nam. Từ tháng 12/2026 đến tháng 02/2027 áp cao lạnh lục địa tiếp tục hoạt động ổn định và mạnh dần, lấn sâu xuống phía nam. Gió mùa Tây Nam trên khu vực Nam Bộ tiếp tục hoạt động, từ khoảng cuối tháng 10 gió chuyển dần sang hướng đông bắc.

Tổng lượng mưa thấp hơn TBNN trong 3 tháng tới, từ tháng 01 đến tháng 5/2026 tổng lượng mưa rất ít trên toàn khu vực. Nhiệt độ trung bình cao hơn TBNN trong 6 tháng tới.

- Cảnh báo khả năng xuất hiện các hiện tượng thời tiết nguy hiểm:

Bão, áp thấp nhiệt đới có khả năng xuất hiện từ 1-2 cơn trên Biển Đông, ở mức xấp xỉ đến thấp hơn TBNN. Đề phòng có bão hoặc áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng đến vùng biển khu vực Nam Bộ. Tháng 10, 11/2026 có

một số ngày mưa lớn kèm dông, lốc, sét mạnh có khả năng gây ngập úng, nguy hiểm cho con người và gây thiệt hại tài sản, hoa màu. Một số đợt gió Tây Nam hoạt động mạnh gây thời tiết xấu trên biển, nguy hiểm cho tầu thuyền hoạt động.

Chuẩn sai nhiệt độ trung bình trong 3 tháng tới xấp xỉ đến cao hơn TBNN từ 0,6 - 1,3^{0}C. Tổng lượng mưa phổ biến thấp hơn TBNN từ 10-30%. Mùa mưa trên khu vực có khả năng kết thúc trong khoảng tuần đầu đến tuần giữa tháng 11, sớm hơn TBNN từ 10-20 ngày. Tháng 10, 11: Tổng lượng mưa thấp hơn TBNN. Số ngày mưa phổ biến: tháng 10 (14-21 ngày); tháng 11 (10-17 ngày).

2. Xu thế khí hậu từ tháng 12/2026 đến tháng 5/2027

- Xu thế ENSO: El -Nino sẽ suy yếu dần, tuy nhiên vẫn có cường độ rất mạnh.

- Xu thế nền nhiệt độ, lượng mưa: Tổng lượng mưa tháng thấp hơn TBNN và có chuẩn sai từ 5-20%. Nhiệt độ trung bình tháng cao hơn TBNN chuẩn sai từ 0,5-1,5^{0}C. Từ tháng 12/2026 đến tháng 5/2027 nắng nóng có thể xảy ra trên một số khu vực Nam Bộ.

3. Tình hình thủy văn

- Mùa lũ năm 2026, mực nước tại các trạm vùng đầu nguồn sông Cửu Long lên nhanh từ tháng 7/2026 đến tháng 9/2026 và đạt đỉnh nửa cuối tháng 9/2026. Đỉnh lũ năm 2026 ở mức như sau:

Trạm Tân Châu: Đạt 3,58m vào ngày 14/9 (vượt báo động I là 0,08m).

Trạm Châu Đốc: Đạt 3,21m vào ngày 28/9 (vượt báo động I là 0,21m).

Từ nay đến cuối năm 2026 mực nước vùng đầu nguồn sẽ xuống chậm. Mực nước cao nhất xuất hiện vào tháng 10 ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn tháng 9/2026: tại trạm Tân Châu là 3,35 – 3,45 m (xấp xỉ hoặc dưới BĐI), trạm Châu Đốc là 3,10 – 3,20 m (trên BĐI 0,10-0,20m).

Vùng Đồng Tháp Mười và Tứ Giác Long Xuyên: mực nước biến đổi chậm và còn duy trì ở mức cao trong nửa đầu tháng 10. Từ tháng 11 mực nước tại các trạm sẽ xuống nhanh.

- Triều cường:

Từ nay đến cuối năm 2026 sẽ xuất hiện 6 đợt triều cường cao: Vùng hạ lưu sông Cửu Long: Trạm Cần Thơ, Mỹ Thuận mực nước đỉnh triều cao nhất năm có khả năng xuất hiện vào đầu tháng 11 (kỳ triều cường tháng 10 AL) dao động từ 2,2 – 2,3m (cao hơn BĐIII 0,2 – 0,4m).

Khu vực ven biển: Mực nước đỉnh triều tại các trạm có xu thế tăng dần đến tháng 12, đỉnh triều cao nhất năm sẽ xuất hiện khoảng tháng 12 (kỳ triều cường đầu tháng 11 AL) với Vàm Kênh, An Thuận: đỉnh triều cao nhất xấp xỉ hoặc cao hơn BĐIII 0,05 - 0,10m; Trạm Gành Hào: đỉnh triều cao nhất cao hơn BĐIII khoảng 0,25 – 0,35 m.

- Tình hình xâm nhập mặn:

Khả năng các tháng cuối năm 2026 và mùa khô năm 2027 lượng nước từ thượng nguồn sông Mê Kông sẽ suy giảm, nguy cơ thiếu hụt lớn, thêm vào đó là ảnh hưởng của các đợt gió mùa đông bắc tăng cường và triều từ biển Đông sẽ đẩy mặn đi sâu vào nội đồng trên các hệ thống sông chính.

Tình hình xâm nhập mặn sẽ diễn ra gay gắt và đến sớm trên diện rộng do ảnh hưởng của hiện tượng El- Nino mạnh, do đó cần chủ động tích trữ nước ngọt cho các hoạt động sản xuất, sinh hoạt. Từ nay đến cuối năm sẽ có 6 đợt triều cao, cần đề phòng ngập úng ở các vùng trũng thấp, ven sông gây ảnh hưởng đến đời sống dân sinh, giao thông, kinh tế - xã hội trên khu vực.

Những tháng cuối năm cần đề phòng sóng lớn, gió mạnh trên biển, bà con thường xuyên theo dõi các bản tin dự báo thời tiết, cảnh báo triều cường và ngập úng, xâm nhập mặn tại các đô thị lớn và những thông tin cập nhật mới nhất từ Đài Khí tượng thuỷ văn Nam Bộ để chủ động ứng phó.

BBT



Hệ thống thủy lợi hiện đại giúp kiểm soát mặn, giữ nước ngọt phục vụ sản xuất nông nghiệp

ĐƯA KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRỞ THÀNH ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG NGÀNH NÔNG NGHIỆP

Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cần được ứng dụng sâu rộng vào sản xuất, tạo ra sản phẩm, giá trị kinh tế và hiệu quả thực chất. Đây là yêu cầu được Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng nhấn mạnh tại Hội nghị "Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thúc đẩy tăng trưởng ngành Nông nghiệp và Môi trường" khu vực miền Bắc, tổ chức ngày 27/10/2026.

Hội nghị do Bộ Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Bộ Công an (Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo 57 Trung ương) tổ chức, nhằm đánh giá kết quả ứng dụng khoa học công nghệ, nhận diện những điểm nghẽn và đề xuất giải pháp thúc đẩy tăng trưởng ngành.

Theo Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Đặng Ngọc Điệp, giai đoạn 2021-2026, ngành nông nghiệp tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an ninh lương thực và thúc đẩy xuất khẩu. Năm 2025, ngành tăng trưởng 3,78%, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt 70,63 tỷ USD. Trong 9 tháng đầu năm 2026, tăng trưởng đạt 4,02%, kim ngạch xuất khẩu đạt 56,3 tỷ USD.

Khoa học công nghệ đã đóng góp đáng kể vào kết quả này. Việc ứng dụng giống mới, công nghệ sinh học, cơ giới hóa và quy trình canh tác tiên tiến giúp năng suất các giống lúa mới tăng khoảng 9,9%, sản lượng tăng ước 2,4 triệu tấn mỗi năm, tạo giá trị kinh tế gia tăng khoảng 12.000 tỷ đồng. Nhiều lĩnh vực như vắc - xin thú y thủy sản và chế biến sâu cũng ghi nhận những tiến bộ tích cực.

Tuy nhiên, ngành vẫn đối mặt với 5 điểm nghẽn lớn: sản xuất nhỏ lẻ, phân tán; nghiên cứu và chuyển giao công nghệ còn dàn trải; hạn chế về giống và công nghệ đầu vào; thiếu công nghệ bảo quản, chế biến sâu; dữ liệu chưa liên thông và nguồn nhân lực số còn yếu.

Đáng chú ý, khoảng cách giữa nghiên cứu và ứng dụng thực tiễn vẫn còn lớn. Thứ trưởng Bộ Công an Nguyễn Văn Long cho biết, theo số liệu tổng hợp của Bộ Công an, 34 địa phương đã báo cáo 916 nhiệm vụ gắn với 908 sản phẩm khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Trong đó, lĩnh vực nông nghiệp có 451 sản phẩm, chiếm gần 50%. Tuy nhiên, có tới 341 sản phẩm, tương đương khoảng 76%, vẫn đang trong giai đoạn nghiên cứu; tỷ lệ được đưa vào ứng dụng, thương mại hóa mới đạt khoảng 24%.



Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng phát biểu chỉ đạo Hội nghị

Thực trạng này cho thấy cần đổi mới cách xác định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, chuyển mạnh từ tư duy nghiên cứu theo khả

năng sang nghiên cứu xuất phát từ nhu cầu thực tiễn và bài toán tăng trưởng của ngành.

Thứ trưởng Nguyễn Văn Long đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì xác định danh mục các bài toán ưu tiên, tập trung vào những khâu có khả năng tạo giá trị gia tăng cao; đồng thời phát huy vai trò kết nối giữa nhu cầu của địa phương với năng lực nghiên cứu của viện, trường và doanh nghiệp, thúc đẩy chuyển giao, ứng dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng đánh giá cao những kết quả ngành Nông nghiệp và Môi trường đạt được, đồng thời nhấn mạnh dư địa tăng trưởng còn rất lớn nếu khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được ứng dụng sâu rộng vào sản xuất.

Theo Phó Thủ tướng, dù nông nghiệp tiếp tục là trụ đỡ của nền kinh tế, ngành vẫn còn nhiều hạn chế về giống cây trồng, vật nuôi, công nghệ đầu vào, tổ chức sản xuất, chế biến, bảo quản sau thu hoạch và khả năng tiếp cận thị trường. Đây là những vấn đề cần được giải quyết bằng các giải pháp khoa học công nghệ có tính ứng dụng cao.

Phó Thủ tướng nhấn mạnh ba yêu cầu xuyên suốt: nhận diện đầy đủ, thực chất các điểm nghẽn để tập trung tháo gỡ; đưa khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành động lực trực tiếp của tăng trưởng; coi ứng dụng công nghệ là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, lấy hiệu quả thực tiễn làm thước đo.

Trên cơ sở đó, Bộ Nông nghiệp và Môi trường cần phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát toàn diện hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ trong ngành; xác định những vấn đề lớn cần ưu tiên giải quyết, phù hợp với lợi thế và yêu cầu phát triển của từng vùng, nhất là khu vực phía Bắc.

Các lĩnh vực cần tập trung gồm phát triển giống thế hệ mới, ứng dụng công nghệ gen và tế bào, vắc - xin thú y, chế phẩm sinh học và hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản. Cùng với đó, cần tăng cường liên kết giữa Nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp, hợp tác xã và người sản xuất, bảo đảm nghiên cứu gắn với chuyển giao công nghệ, tổ chức sản xuất và thương mại hóa sản phẩm.

Đối với chuyển đổi số, Phó Thủ tướng yêu cầu đẩy nhanh chuẩn hóa hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản, kết nối và chia sẻ dữ liệu đất đai, dữ liệu phục vụ quản lý sản xuất và phòng, chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU). Dữ liệu phải chính xác, đầy đủ, cập nhật và có khả năng liên thông, phục vụ thiết thực công tác quản lý, dự báo, điều hành cũng như hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Tiếp thu ý kiến chỉ đạo, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Trịnh Việt Hùng khẳng định Bộ sẽ khẩn trương cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp, tập trung đổi mới phương thức quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ; nâng cao hiệu quả nghiên cứu, thúc đẩy liên kết giữa viện, trường và doanh nghiệp; tháo gỡ vướng mắc về cơ chế, chính sách; đẩy mạnh chuyển đổi số và phát triển dữ liệu phục vụ quản lý, sản xuất, thị trường.

Bộ trưởng cũng nhấn mạnh yêu cầu đưa truy xuất nguồn gốc và minh bạch thông tin sản phẩm trở thành nhiệm vụ xuyên suốt đối với tất cả các ngành hàng. Ngay sau Hội nghị, Bộ sẽ xây dựng kế hoạch triển khai với nhiệm vụ, tiến độ và kết quả đầu ra cụ thể, gắn trách nhiệm người đứng đầu với hiệu quả thực hiện.

Việc chuyển mạnh từ nghiên cứu sang ứng dụng, từ dữ liệu sang giá trị và từ đổi mới công nghệ sang đổi mới phương thức tổ chức sản xuất sẽ là yếu tố quan trọng để khoa học công nghệ thực sự trở thành động lực nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nông nghiệp Việt Nam.

MINH CHÂU



Ứng dụng thiết bị bay không người lái, giúp giám sát đồng ruộng, chăm sóc lúa, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất

ĐÁNH THỨC TIỀM NĂNG, PHÁT TRIỂN CHUỖI GIÁ TRỊ KHOAI TÂY BỀN VỮNG

Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia Lê Quốc Thanh thu hoạch khoai tây cùng bà con nông dân



Ngày 20/10/2026, tại Thanh Hóa, Trung tâm Khuyến nông quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa cùng các đơn vị liên quan tổ chức Tọa đàm "Phát triển chuỗi giá trị khoai tây bền vững", đồng thời khởi động dự án "Mùa vụ mới - Sáng kiến nông nghiệp bền vững" giai đoạn 2. Đây là hoạt động nhằm kết nối cơ quan quản lý, nhà khoa học, doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân, hướng tới hình thành các vùng nguyên liệu ổn định, nâng cao giá trị sản xuất và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

Theo Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa, những năm qua, khoai tây đã góp phần đa dạng hóa cơ cấu cây trồng vụ Đông, mang lại hiệu quả kinh tế đáng kể cho người sản xuất. Hiện diện tích khoai tây toàn tỉnh đạt khoảng 1.000 - 1.500 ha/năm, năng suất bình quân 18-20 tấn/ha, sản lượng khoảng 20.000 - 25.000 tấn. Doanh thu đạt 150-200 triệu đồng/ha, lợi nhuận khoảng 60-70 triệu đồng/ha. Các vùng trồng tập trung tại một số địa phương như Nga Sơn, Hồ Vương, Hoa Lộc, Hoằng Châu, Hoằng Thanh, Hoằng Tiến và Hoằng Lộc. Đáng chú ý, Thanh Hóa còn khoảng 2.500-3.000ha đất có khả năng phát triển cây khoai tây, mở ra dư địa đáng kể để mở rộng vùng nguyên liệu.

Ông Nguyễn Đức Cường, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa cho rằng, trong điều kiện thời tiết ngày càng diễn biến thất thường, yêu cầu về chất lượng và an toàn nông sản ngày càng cao, sản xuất khoai tây cần chuyển dần sang hướng thông minh, sinh thái và bền vững. Trong đó, việc tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân có ý nghĩa



quan trọng, không chỉ trong tổ chức sản xuất mà còn bảo đảm đầu ra cho sản phẩm.

Thực tế cho thấy, phát triển khoai tây theo chuỗi giá trị đòi hỏi sự đồng bộ từ khâu lựa chọn giống, quy trình canh tác, thu hoạch, bảo quản đến chế biến và tiêu thụ. Nếu chỉ tập trung mở rộng diện tích mà thiếu liên kết thị trường, người trồng vẫn phải đối mặt với những rủi ro về đầu ra và biến động giá cả.

Tại tọa đàm, các đại biểu đã trao đổi về định hướng phát triển ngành hàng khoai tây, mô hình luân canh lúa - khoai tây gắn với sản xuất giảm phát thải, cũng như kinh nghiệm tổ chức chuỗi liên kết của doanh nghiệp. Nhiều ý kiến nhấn mạnh yêu cầu gắn sản xuất với nhu cầu thị trường, tiêu chuẩn chất lượng và điều kiện thực tế của từng vùng trồng.

Theo bà Nguyễn Mai Chi, Giám đốc Đối ngoại Công ty TNHH Thực phẩm PepsiCo Việt Nam, các chương trình phát triển khoai tây bền vững do PepsiCo phối hợp với Syngenta triển khai đã góp phần hình thành vùng nguyên liệu, cung cấp giống chất lượng cao và kết nối tiêu thụ tại nhiều địa phương như Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai và Bắc Ninh.

Thông qua ứng dụng công nghệ và cải tiến quy trình canh tác, năng suất khoai tây tại một số mô hình tăng gấp 3 lần, đạt bình quân 23-26 tấn/ha, cá biệt có nơi đạt 58 tấn/ha. Thu nhập của nông dân tăng từ 27 triệu đồng lên 73 triệu đồng/ha. Những kết quả này cho thấy vai trò của việc kết hợp tiến bộ kỹ thuật với tổ chức sản xuất theo chuỗi, đồng thời mở ra kinh nghiệm để các địa phương nghiên cứu, vận dụng phù hợp.

Một trong những nội dung đáng chú ý tại sự kiện là khởi động Dự án "Mùa vụ mới - Sáng kiến nông nghiệp bền vững" giai đoạn 2, do Quỹ PepsiCo tài trợ, phối hợp với Đối tác Phát triển bền vững Nông nghiệp Việt Nam (PSAV), Trung tâm Khuyến nông quốc gia và Tổ chức CARE tại Việt Nam triển khai trong giai đoạn 2026 - 2028 tại Đắk Lắk, Gia Lai và Thanh Hóa.

Dự án đặt mục tiêu hỗ trợ trực tiếp 13.600 nông dân, trong đó có 8.160 phụ nữ và 5.440 nam giới; đồng thời tạo ảnh hưởng gián tiếp tới 73.400 người. Đối tượng trọng tâm là các nông hộ quy mô nhỏ, phụ nữ và đồng bào dân tộc thiểu số, những nhóm còn gặp khó khăn trong tiếp cận công nghệ, tài chính và thị trường.

Dự án tập trung thúc đẩy các phương thức canh tác tái tạo, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất và nước, giảm chi phí đầu vào, cải thiện sức khỏe đất và nâng cao khả năng chống chịu trước biến đổi khí hậu. Các giải pháp được triển khai gồm quản lý tổng hợp đất, nước và sinh vật gây hại; ủ phân hữu cơ; quản lý cỏ dại, xen canh và tận dụng phụ phẩm nông nghiệp.

Bên cạnh chuyển giao kỹ thuật, dự án còn chú trọng phát triển chuỗi giá trị bao trùm, hỗ trợ nông dân tiếp cận tài chính, bảo hiểm nông nghiệp, đào tạo bán hàng trực tuyến và nâng cao năng lực đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm như ISO 22000, HACCP. Qua đó, người sản xuất có thêm điều kiện tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng, từng bước nâng cao chất lượng và giá trị nông sản.

Phát biểu tại chương trình, ông Nguyễn Đỗ Anh Tuấn, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế -Bộ Nông nghiệp và Môi trường, nhấn mạnh yêu cầu chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và liên kết chuỗi giá trị làm động lực. Trong đó, hợp tác công - tư là giải pháp quan trọng để huy động nguồn lực, đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và tạo điều kiện để nông dân tiếp cận tốt hơn với công nghệ, vốn và thị trường.

Đối với Thanh Hóa, việc mở rộng vùng nguyên liệu khoai tây cần đi đôi với tổ chức sản xuất tập trung, lựa chọn giống phù hợp, thống nhất quy trình kỹ thuật và gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp thu mua, chế biến. Hệ thống khuyến nông cũng cần phát huy vai trò cầu nối trong chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, xây dựng mô hình và hỗ trợ nông dân tham gia chuỗi liên kết.

VIỆT OANH
Trung tâm Khuyến nông quốc gia







Cán bộ khuyến nông CẦU NỐI ĐƯA VIETGAHP VÀO THỰC TIỄN SẢN XUẤT

Trong hai ngày 15-16/10/2026, tại Cao Bằng, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với Trung tâm Khuyến nông và Giống nông lâm nghiệp tỉnh Cao Bằng tổ chức lớp tập huấn "Áp dụng quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP)" cho 30 cán bộ khuyến nông, cộng tác viên khuyến nông đến từ 20 xã, phường trên địa bàn tỉnh.

VietGAHP trong chăn nuôi là một quy trình quản lý tổng thể, bao quát từ lựa chọn địa điểm, xây dựng chuồng trại, quản lý con giống, thức ăn, nước uống đến vệ sinh thú y, phòng chống dịch bệnh, xử lý chất thải và ghi chép hồ sơ sản xuất. Việc thực hiện đồng bộ các yêu cầu này góp phần hạn chế rủi ro, kiểm soát các yếu tố mất an toàn, đồng thời nâng cao chất lượng và khả năng truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Tuy nhiên, để VietGAHP thực sự đi vào sản xuất, nhất là tại các hộ chăn nuôi quy mô nhỏ, không chỉ cần có quy trình hướng dẫn mà còn đòi hỏi người chăn nuôi hiểu đúng, thực hiện được và duy trì thường xuyên các yêu cầu kỹ thuật. Đây cũng là lý do lớp tập huấn chú trọng trang bị kiến thức và kỹ năng cho đội ngũ cán bộ khuyến nông, cộng tác viên khuyến nông – những người trực tiếp đồng hành với nông dân tại cơ sở.

Tại lớp tập huấn, học viên được tiếp cận hai chuyên đề chính về kiến thức chung trong thực hành chăn nuôi tốt và hướng dẫn áp dụng VietGAHP đối với chăn nuôi gia cầm. Nội dung đào tạo tập trung vào các yêu cầu cụ thể trong tổ chức sản xuất, từ bố trí khu vực chăn nuôi, bảo đảm điều kiện chuồng trại, lựa chọn và quản lý con giống đến kiểm soát nguồn thức ăn, nước uống, thực hiện vệ sinh, tiêu độc khử trùng và phòng chống dịch bệnh.

Một nội dung quan trọng khác là quản lý chất thải, bảo vệ môi trường, ghi chép nhật ký chăn nuôi và lưu trữ hồ sơ phục vụ truy xuất nguồn gốc. Đây là những khâu đôi khi chưa được người chăn nuôi quan tâm đúng mức, nhưng lại có ý nghĩa thiết thực trong kiểm soát quá trình sản xuất, phát hiện sớm những bất cập và nâng cao tính minh bạch của sản phẩm.

Đặc biệt, học viên được hướng dẫn cách nhận diện từng nhóm tiêu chí VietGAHP, phương pháp tự

kiểm tra, đánh giá điều kiện chăn nuôi và xác định những nội dung cần khắc phục. Thay vì tiếp cận quy trình theo cách học thuộc các tiêu chí, cán bộ khuyến nông được trang bị phương pháp đánh giá dựa trên điều kiện thực tế của từng cơ sở, từ đó tư vấn giải pháp phù hợp, tránh áp dụng máy móc hoặc gây thêm áp lực chi phí cho người dân.

Điểm nhấn của chương trình là hoạt động tham quan, thực hành tại cơ sở chăn nuôi gà của hộ ông Hoàng Văn Bé ở xóm Hòa Mục, xã Trường Hà, tỉnh Cao Bằng. Tại đây, các học viên có cơ hội đối chiếu kiến thức đã học với điều kiện sản xuất thực tế, trực tiếp quan sát và đánh giá từng khâu trong quá trình chăn nuôi.

Dưới sự hướng dẫn của giảng viên và cán bộ kỹ thuật Trung tâm Khuyến nông và Giống nông lâm nghiệp tỉnh Cao Bằng, học viên tập trung xem xét các điều kiện về chuồng trại, con giống, thức ăn, nước uống, vệ sinh thú y, kiểm soát dịch bệnh và xử lý chất thải. Qua đó, nhận diện những nội dung đã đáp ứng yêu cầu, những điểm còn hạn chế và đề xuất biện pháp cải thiện.

Cách tổ chức này giúp học viên hiểu rõ hơn rằng, áp dụng VietGAHP không nhất thiết bắt đầu bằng những thay đổi lớn hay đầu tư tốn kém, mà cần được thực hiện từ việc điều chỉnh những khâu thiết yếu trong quy trình sản xuất. Chẳng hạn, bố trí khu vực chăn nuôi hợp lý, duy trì vệ sinh chuồng trại, kiểm soát nguồn nước, thực hiện tiêm phòng và ghi chép đầy đủ quá trình chăm sóc đàn vật nuôi. Những việc làm tưởng chừng đơn giản nhưng nếu được thực hiện thường xuyên, đồng bộ sẽ góp phần giảm nguy cơ dịch bệnh và hạn chế tổn thất trong chăn nuôi.

Thông qua trao đổi, thảo luận và xử lý các tình huống thực tế, học viên còn được rèn luyện kỹ năng tư vấn, hướng dẫn người dân khắc phục những tồn tại trong quá trình sản xuất. Đây là yếu tố quan trọng bởi mỗi địa bàn, mỗi hộ chăn nuôi có điều kiện về đất đai, chuồng trại, quy mô đàn vật nuôi và khả năng đầu tư khác nhau. Cán bộ khuyến nông cần nắm chắc quy trình, đồng thời biết lựa chọn cách hướng dẫn phù hợp để người dân có thể tiếp thu và áp dụng.

Trong bối cảnh ngành chăn nuôi đang chuyển dịch theo hướng an toàn sinh học, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và nâng cao chất lượng sản phẩm, việc phổ biến VietGAHP có ý nghĩa không chỉ đối với từng hộ sản xuất mà còn góp phần hình thành phương thức chăn nuôi có trách nhiệm hơn. Quy trình này giúp người chăn nuôi kiểm soát tốt hơn các yếu tố đầu vào, chủ động phòng ngừa dịch bệnh, quản lý chất thải và từng bước đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

Đối với các địa bàn miền núi như Cao Bằng, nơi điều kiện sản xuất và khả năng tiếp cận tiến bộ kỹ thuật giữa các hộ còn khác nhau, vai trò của cán bộ khuyến nông cơ sở càng cần được phát huy. Không chỉ truyền đạt kiến thức, lực lượng này còn là người trực tiếp hướng dẫn, theo dõi và hỗ trợ nông dân tháo gỡ khó khăn trong quá trình áp dụng kỹ thuật.

Thông qua các chương trình đào tạo gắn với thực hành, Trung tâm Khuyến nông quốc gia tiếp tục góp phần nâng cao năng lực cho đội ngũ khuyến nông cơ sở, thúc đẩy chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và nhân rộng các mô hình chăn nuôi an toàn. Đây là nền tảng quan trọng để từng bước nâng cao hiệu quả sản xuất, bảo vệ môi trường và phát triển chăn nuôi theo hướng bền vững.



KHÚC THỪA THẾ
Trung tâm Khuyến nông quốc gia

CHUẨN HÓA CHUỖI SẢN XUẤT BƯỞI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU



Trồng bưởi da xanh theo tiêu chuẩn GlobalGAP cho thu nhập 400-500 triệu đồng/năm

Trong bối cảnh thị trường ngày càng đặt ra yêu cầu cao về chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc, sản xuất bưởi không thể chỉ tập trung nâng cao năng suất tại vườn mà cần được tổ chức theo quy trình đồng bộ, kiểm soát chất lượng xuyên suốt chuỗi cung ứng. Đây cũng là nội dung trọng tâm của lớp tập huấn "Hướng dẫn quy trình sản xuất cây bưởi an toàn theo tiêu chuẩn chất lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu" do Trung tâm Khuyến nông quốc gia phối hợp với Trung tâm Khuyến nông Vĩnh Long và Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên Hợp Quốc (UNIDO) tổ chức trong hai ngày 22–23/10/2026 tại tỉnh Vĩnh Long.

Lớp tập huấn dành cho đội ngũ cán bộ khuyến nông và khuyến nông cộng đồng trên địa bàn tỉnh, nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng hướng dẫn nông dân tổ chức sản xuất theo yêu cầu của thị trường. Học viên được tìm hiểu các yêu cầu chất lượng đối với bưởi xuất khẩu, nhận diện và quản lý sâu bệnh hại, đồng thời tiếp cận quy trình thao tác chuẩn (SOP) trong từng công đoạn, từ sản xuất, thu hoạch, sơ chế, đóng gói đến bảo quản, quản lý chuỗi lạnh và vận chuyển. Việc thực hiện SOP giúp kiểm soát tốt hơn các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng, hạn chế sai sót và tổn thất sau thu hoạch, tạo điều kiện đáp ứng các tiêu chuẩn của thị trường.

Điểm nhấn của chương trình là hoạt động tham quan, trao đổi kinh nghiệm tại mô hình sản xuất bưởi da xanh theo tiêu chuẩn GlobalGAP. ở xã Phú Túc, tỉnh Vĩnh Long. Tại đây, học viên được trực tiếp tìm hiểu quy trình canh tác, chăm sóc, quản lý sâu bệnh và tổ chức sản xuất tại vườn; đồng thời trao đổi với chủ vườn về hiệu quả kinh tế và những yêu cầu khi tham gia chuỗi cung ứng phục vụ xuất khẩu.

Mô hình có diện tích hơn 4.000 m^2, với những cây bưởi lâu năm nhất khoảng 11 năm tuổi. Theo chia sẻ của chủ vườn, sản lượng đạt khoảng 20 tấn mỗi năm, giá trị thu nhập ước tính 400–500 triệu đồng/năm. Sản phẩm được cung cấp cho Hợp tác xã Bưởi da xanh Bến Tre để phục vụ xuất khẩu sang các thị trường như Mỹ và Liên minh châu Âu (EU).

Thực tế tại vườn giúp học viên nhận diện rõ mối liên hệ giữa tuân thủ quy trình kỹ thuật, kiểm soát chất lượng và khả năng tiêu thụ sản phẩm. Sản xuất theo tiêu chuẩn đòi hỏi người trồng kiểm soát chặt chẽ vật tư đầu vào, chăm sóc và quản lý dịch hại đúng quy trình. Khi gắn với hợp tác xã và đơn vị thu mua, sản phẩm có điều kiện được kiểm soát chất lượng đồng đều hơn, thuận lợi cho truy xuất nguồn gốc và đáp ứng yêu cầu xuất khẩu. Đây cũng là những kinh nghiệm thiết thực để cán bộ khuyến nông nâng cao khả năng tư vấn, hướng dẫn nông dân áp dụng quy trình phù hợp với điều kiện sản xuất thực tế.



Sơ chế, bảo quản bưởi da xanh xuất khẩu

Bên cạnh mô hình tại vườn, học viên còn tham quan cơ sở sơ chế, đóng gói bưởi xuất khẩu của Hợp tác xã Bưởi da xanh Bến Tre. Tại đây, các học viên tìm hiểu quy trình tiếp nhận nguyên liệu, kiểm tra chất lượng, phân loại, đóng gói và bảo quản sản phẩm trước khi đưa ra thị trường.

Thực tế cho thấy, chất lượng bưởi xuất khẩu không chỉ được quyết định bởi quá trình sản xuất mà còn phụ thuộc vào việc kiểm soát chặt chẽ các khâu sau thu hoạch. Nếu sản xuất tạo nên chất lượng ban đầu thì sơ chế, đóng gói, bảo quản và vận chuyển có vai trò duy trì chất lượng, hạn chế hư hỏng và bảo đảm yêu cầu của khách hàng. Vì vậy, áp dụng đồng bộ quy trình SOP từ vườn trồng đến cơ sở đóng gói là điều kiện quan trọng để nâng cao tính đồng nhất, khả năng truy xuất và giá trị thương mại của sản phẩm.

Một nội dung thu hút sự quan tâm của học viên là việc tận dụng bưởi non hoặc những quả không phù hợp với yêu cầu xuất khẩu tươi để chế biến thành chè bưởi, mứt bưởi, nước ép. Hướng đi này góp phần đa dạng hóa sản phẩm, tận dụng nguồn nguyên liệu, giảm lãng phí và mở thêm cơ hội gia tăng giá trị cho ngành hàng. Đây cũng là gợi ý để các hợp tác xã, cơ sở sản xuất nghiên cứu phát triển sản phẩm chế biến, mở rộng đầu ra thay vì chỉ phụ thuộc vào thị trường quả tươi.

Việc kết hợp giữa tập huấn lý thuyết và tham quan thực tế giúp học viên hiểu rõ hơn khả năng áp dụng SOP trong điều kiện sản xuất, sơ chế và tiêu thụ. Qua đó, chương trình nhấn mạnh yêu cầu cốt lõi đối với ngành hàng bưởi xuất khẩu: chất lượng phải được hình thành từ vườn trồng và duy trì nhất quán qua từng công đoạn của chuỗi cung ứng, trên cơ sở tuân thủ quy trình kỹ thuật và kiểm soát chặt chẽ.

Thông qua lớp tập huấn, Trung tâm Khuyến nông quốc gia, Trung tâm Khuyến nông Vĩnh Long và UNIDO hướng tới nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ khuyến nông, khuyến nông cộng đồng trong tư vấn, hướng dẫn người dân sản xuất an toàn, thực hiện SOP và tăng cường liên kết giữa nhà vườn, hợp tác xã với cơ sở sơ chế, đóng gói. Đây là lực lượng quan trọng đưa kiến thức, tiến bộ kỹ thuật đến gần hơn với người sản xuất, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn trong quá trình chuyển đổi phương thức canh tác.

Từ những kiến thức được trang bị và kinh nghiệm thực tế tại mô hình, cơ sở đóng gói, lớp tập huấn góp phần củng cố nhận thức về sản xuất bưởi theo chuỗi, lấy chất lượng và yêu cầu thị trường làm định hướng. Đây là nền tảng quan trọng để nâng cao giá trị bưởi da xanh, thúc đẩy liên kết và từng bước xây dựng ngành hàng bưởi an toàn, hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

NGUYỄN THANH NHUNG
Trung tâm Khuyến nông quốc gia





QUẢNG NINH: CANH TÁC LÚA GIẢM PHÁT THẢI, HƯỚNG ĐI NÔNG NGHIỆP XANH

Từ những thay đổi cụ thể trong quản lý nước, phân bón, rơm rạ và dịch hại, mô hình canh tác lúa giảm phát thải tại Quảng Ninh bước đầu cho thấy hiệu quả rõ nét trên cả môi trường và sản xuất: giảm phát thải khí nhà kính, tiết kiệm chi phí, duy trì năng suất và nâng cao lợi nhuận cho người sản xuất. Đây là cơ sở để tỉnh tiếp tục hoàn thiện quy trình, từng bước nhân rộng sản xuất lúa theo hướng xanh, phát thải thấp.

Tại Quảng Ninh, giai đoạn 2021-2025, diện tích gieo trồng lúa hằng năm đạt trên 39.100 ha, sản lượng ước trên 201.700 tấn. Tuy nhiên, một số tập quán như quản lý nước theo phương thức ngập liên tục, bón phân chưa cân đối, sử dụng phân đạm ở mức cao, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật chưa dựa trên ngưỡng gây hại và đốt rơm rạ sau thu hoạch vẫn có nguy cơ làm gia tăng phát thải.

Từ thực tế đó, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh "Ứng dụng các biện pháp canh tác khoa học, tiên tiến trong sản xuất lúa góp phần giảm lượng khí phát thải và bảo vệ môi trường tại Quảng Ninh" được triển khai từ tháng 8/2025 đến tháng 12/2027. Trung tâm Khuyến nông và Quản lý Bảo vệ, phát triển rừng Quảng Ninh phối hợp với Viện Môi trường nông nghiệp, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh cùng các đơn vị liên quan nghiên cứu, thử nghiệm và hoàn thiện các giải pháp phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương.



Đoàn công tác của Công ty TNHH Honda Trading Việt Nam (Nhật Bản) tham quan mô hình

Cán bộ kỹ thuật tiến hành lấy mẫu tại ruộng mô hình



Trong vụ mùa 2025 và vụ xuân 2026, nhóm thực hiện đã điều tra, đo đạc phát thải tại phường Đông Triều, phường Hiệp Hòa, xã Đường Hoa và xã Đông Ngũ. Kết quả cho thấy lượng phát thải CH_3 tích lũy dao động từ 225,6-285,1 kg/ha/vụ; tổng phát thải khí nhà kính quy đổi khoảng 6,35-7,92 tấn CO_2/ha/vụ. Đây là cơ sở thực tiễn để xác định những khâu kỹ thuật cần điều chỉnh trong sản xuất.

Vụ xuân 2026, mô hình được triển khai tại khu Mỹ Cụ, phường Đông Triều và thôn 4, xã Đường Hoa, mỗi điểm 1 ha, với tổng số 24 hộ tham gia. Các giải pháp được áp dụng đồng bộ gồm: sử dụng giống xác nhận; cày vùi gốc rạ kết hợp chế phẩm sinh học; giảm 30% lượng phân đạm; quản lý nước theo phương thức tưới ướt - khô xen kẽ; đồng thời áp dụng quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp.

Kết quả cho thấy, mô hình không tạo ra sự đánh đổi giữa mục tiêu môi trường và hiệu quả sản xuất. Lượng phát thải CH_3 tại hai điểm mô hình chỉ còn khoảng 124,51-144,97 kg/ha/vụ, giảm 44,96% so với canh tác thông thường. Tổng phát thải khí nhà kính quy đổi đạt 3,54-4,15 tấn CO_2/ha/vụ, giảm 31,07%.

Hiệu quả kinh tế cũng được cải thiện rõ rệt. Tại Đông Triều, giống ĐT100 đạt năng suất 6,5 tấn/ha, lợi nhuận 18,43 triệu đồng/ha, cao hơn khoảng 43,3% so với phương thức canh tác truyền thống, tương đương tăng 5,57 triệu đồng/ha. Tại Đường Hoa, giống J02 đạt năng suất 6,2 tấn/ha, lợi nhuận 21,504 triệu đồng/ha, cao hơn khoảng 20,4%, tương đương tăng 3,644 triệu đồng/ha.

Như vậy, hiệu quả của mô hình không chỉ thể hiện ở mức giảm phát thải mà còn ở khả năng đồng thời giảm đầu vào, tiết kiệm tài nguyên, duy trì năng suất và nâng cao lợi nhuận. Đây cũng là yếu tố quan trọng quyết định khả năng tiếp nhận và nhân rộng của người sản xuất.

Thông qua mô hình, người dân không chỉ được hướng dẫn cách làm mà còn trực tiếp quan sát kết quả trên đồng ruộng, hiểu rõ hơn tác động của việc quản lý nước, sử dụng phân bón, xử lý rơm rạ và quản lý dịch hại. Qua đó, từng bước chuyển từ sản xuất dựa nhiều vào đầu vào sang quản lý đầu vào theo nhu cầu thực tế của cây trồng và điều kiện đồng ruộng.

Các giải pháp được áp dụng tạo hiệu quả đồng thời trên nhiều phương diện: giảm 30% lượng phân đạm giúp hạn chế thất thoát dinh dưỡng và phát thải N_2O; tưới ướt - khô xen kẽ hạn chế điều kiện yếm khí kéo dài, qua đó giảm hình thành CH_3; xử lý, vùi rơm rạ bằng chế phẩm sinh học thay cho đốt ngoài đồng vừa tận dụng nguồn hữu cơ, vừa hạn chế ô nhiễm không khí.

Theo kế hoạch, vụ mùa 2026, Trung tâm Khuyến nông và Quản lý Bảo vệ, phát triển rừng Quảng Ninh tiếp tục triển khai mô hình quy mô 2 ha tại phường Đông Triều và xã Đường Hoa; đồng thời hoàn thiện, trình Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành quy trình kỹ thuật canh tác lúa khoa học, tiên tiến, giảm phát thải, bảo vệ môi trường tại Quảng Ninh.

Từ những thửa ruộng cụ thể ở Đông Triều và Đường Hoa, yêu cầu giảm phát thải đang từng bước được chuyển hóa thành những kết quả có thể đo đếm: giảm gần 45% phát thải CH_3, giảm hơn 31% tổng phát thải khí nhà kính quy đổi CO_2 và đồng thời nâng cao lợi nhuận cho người sản xuất.

Năm 2027, mô hình dự kiến được nhân rộng với tổng quy mô 40 ha. Kết quả nghiên cứu sẽ tiếp tục được lồng ghép vào các chương trình phát triển nông nghiệp, khuyến nông, nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn và phát triển chuỗi nông sản chủ lực của tỉnh; trước hết tại các vùng trọng điểm, sau đó mở rộng thông qua hệ thống khuyến nông. Mục tiêu cuối cùng không chỉ là hình thành thêm những diện tích lúa giảm phát thải, mà từng bước xây dựng vùng sản xuất lúa chất lượng cao gắn với tiêu chuẩn môi trường, hướng tới tạo dựng giá trị và thương hiệu "lúa gạo xanh Quảng Ninh".



NGUYỄN BÁ LÂM
Trung tâm KN & QLBVPTR Quảng Ninh

LÚA – TÔM HỮU CƠ: HƯỚNG ĐI CHO NÔNG NGHIỆP SINH THÁI BỀN VỮNG

Trong tháng 10/2026, Trung tâm Khuyến nông tỉnh Cà Mau tổ chức 5 lớp tập huấn cho 150 nông dân tại các vùng sản xuất lúa – tôm. Đây là những hộ dân ngoài mô hình canh tác lúa hữu cơ – tôm. Cách làm này nhằm đưa kiến thức, quy trình kỹ thuật vượt ra ngoài phạm vi mô hình trình diễn, từng bước tạo sự chuyển biến trong nhận thức và phương thức sản xuất của cộng đồng nông dân.

Trong hệ thống sản xuất lúa – tôm, hai đối tượng cây trồng, vật nuôi có mối quan hệ tương hỗ, nhưng cũng đặt ra yêu cầu cao về quản lý đất, nước và sử dụng vật tư nông nghiệp. Sản xuất lúa theo hướng hữu cơ không đơn thuần là giảm sử dụng phân bón hóa học hay thuốc bảo vệ thực vật, mà đòi hỏi người dân thay đổi cách tiếp cận, từ lựa chọn vật tư đầu vào, chăm sóc cây lúa đến quản lý môi trường đồng ruộng. Những yếu tố này có ý nghĩa quan trọng đối với cả năng suất, chất lượng lúa và điều kiện sinh trưởng của con tôm trên cùng diện tích sản xuất.

Tại các lớp tập huấn, nông dân được hướng dẫn về tiêu chuẩn, quy trình và các yêu cầu kỹ thuật trong canh tác lúa theo hướng hữu cơ. Trọng tâm là kiểm soát chặt chẽ vật tư nông nghiệp, ưu tiên sử dụng phân bón và chế phẩm sinh học phù hợp, áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp, hạn chế các loại hóa chất không được phép sử dụng. Cùng với đó, việc quản lý đất và nguồn nước cần được thực hiện hợp lý nhằm duy trì độ phì nhiêu của đất, bảo vệ hệ sinh thái đồng ruộng và hạn chế những tác động bất lợi đến môi trường nuôi tôm.



Bên cạnh việc truyền đạt quy trình, bà con còn được tạo không gian để trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ những khó khăn trong thực tế và cùng cán bộ kỹ thuật tìm hướng xử lý phù hợp. Qua đó, người dân hiểu rõ hơn không chỉ cách áp dụng kỹ thuật mà còn cả lý do cần thay đổi phương thức sản xuất, từ đó chủ động hơn khi đưa quy trình vào đồng ruộng của gia đình.

Một nội dung quan trọng khác được đặt ra là tổ chức sản xuất và liên kết tiêu thụ. Thực tế cho thấy, để sản phẩm lúa sản xuất theo hướng hữu cơ có thể tạo ra giá trị cao hơn, việc tuân thủ quy trình kỹ thuật cần đi cùng với kiểm soát chất lượng, truy xuất nguồn gốc và xây dựng đầu ra ổn định. Nếu sản xuất vẫn phân tán, thiếu liên kết, nông dân sẽ gặp khó trong việc thống nhất quy trình, kiểm soát vật tư đầu vào cũng như đáp ứng yêu cầu của đơn vị thu mua.

Do đó, việc thúc đẩy liên kết giữa nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã, đơn vị cung ứng vật tư và doanh nghiệp thu mua có ý nghĩa thiết thực. Thông qua các hình thức liên kết, người dân có điều kiện tiếp cận nguồn vật tư phù hợp, thống nhất lịch thời vụ và quy trình sản xuất, đồng thời thuận lợi hơn trong tổ chức thu mua, tiêu thụ sản phẩm. Đây cũng là cơ sở để hình thành vùng nguyên liệu có chất lượng đồng đều, đáp ứng yêu cầu về truy xuất nguồn gốc và từng bước tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị lúa – tôm.

Cơ giới hóa cũng là một trong những vấn đề được quan tâm tại các lớp tập huấn. Khi tham gia tổ hợp tác, hợp tác xã, nông dân có thêm điều kiện phối hợp tổ chức sản xuất tập trung, sử dụng hiệu quả máy móc trong các khâu làm đất, gieo sạ, chăm sóc và thu hoạch. Sản xuất theo nhóm không chỉ giúp giảm công lao động, chi phí đầu vào mà còn tạo thuận lợi cho việc áp dụng đồng bộ quy trình kỹ thuật, nâng cao chất lượng và tính đồng nhất của sản phẩm.



Các lớp tập huấn đã đưa kiến thức, quy trình kỹ thuật vượt ngoài phạm vi mô hình trình diễn

Tuy nhiên, để phát huy hiệu quả của hệ thống lúa – tôm, nỗ lực của từng hộ dân và tổ chức sản xuất cần được hỗ trợ bởi hạ tầng thủy lợi phù hợp. Tại các lớp tập huấn, nông dân kiến nghị quan tâm điều tiết nguồn nước, nâng cấp hệ thống kênh, mương và cống thủy lợi phục vụ sản xuất. Đây là yêu cầu quan trọng bởi chất lượng và khả năng chủ động nguồn nước ảnh hưởng trực tiếp đến sinh trưởng của cây lúa, môi trường nuôi tôm cũng như khả năng thích ứng với những biến động bất lợi của thời tiết. Các kiến nghị cần được tổng hợp, phối hợp với cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương xem xét, có giải pháp phù hợp với điều kiện từng vùng sản xuất.

Việc tổ chức 5 lớp tập huấn cho nông dân ngoài mô hình cho thấy định hướng của công tác khuyến nông không chỉ dừng ở xây dựng các điểm trình diễn mà còn chú trọng lan tỏa kiến thức và tạo nền tảng nhân rộng. Khi người dân được tiếp cận thông tin, trực tiếp trao đổi với cán bộ kỹ thuật và hiểu rõ lợi ích của quy trình sản xuất, khả năng tiếp nhận và áp dụng tiến bộ kỹ thuật sẽ được nâng lên. Đây cũng là bước chuẩn bị cần thiết để mở rộng mô hình, hình thành các nhóm hộ cùng thực hiện quy trình và tăng cường liên kết trong sản xuất.

Với lợi thế về điều kiện tự nhiên và kinh nghiệm sản xuất lúa – tôm, Cà Mau có cơ sở để phát triển mô hình theo hướng sinh thái, nâng cao giá trị trên cùng diện tích canh tác. Tuy nhiên, tính bền vững của mô hình không chỉ được quyết định bởi quy trình kỹ thuật mà còn phụ thuộc vào khả năng tổ chức sản xuất, liên kết thị trường và sự đồng hành lâu dài của hệ thống khuyến nông. Khi những yếu tố này được kết nối chặt chẽ, lúa – tôm không chỉ là phương thức canh tác thích ứng với điều kiện tự nhiên mà còn có thể trở thành hướng phát triển nông nghiệp có giá trị kinh tế và môi trường lâu dài.

NGỌC NHƯ
Trung tâm Khuyến nông Cà Mau



MÃ SỐ VÙNG TRỒNG, MÃ SỐ CƠ SỞ ĐÓNG GÓI – CHÌA KHÓA NÂNG TẦM GIÁ TRỊ NÔNG SẢN

Trong hai ngày 21–22/10/2026, tại tỉnh Đắk Lắk, Trung tâm Khuyến nông quốc gia phối hợp với Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Lắk tổ chức Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp với chủ đề "Giải pháp nâng cao hiệu quả triển khai mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói phục vụ tiêu thụ và xuất khẩu nông sản". Diễn đàn có sự tham gia của đại diện các bộ, ngành Trung ương, cơ quan chuyên môn, chính quyền địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân tiêu biểu đến từ Đắk Lắk, Lâm Đồng, Gia Lai và Khánh Hòa.

Diễn đàn là dịp để các bên nhìn nhận những khó khăn trong quá trình triển khai mã số vùng trồng (MSVT), mã số cơ sở đóng gói (MSCSĐG), từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, tổ chức sản xuất và liên kết tiêu thụ. Qua các ý kiến thảo luận, một vấn đề được đặt ra là: cấp được mã số mới chỉ là bước khởi đầu, điều quan trọng hơn là phải duy trì mã số bằng một nền sản xuất minh bạch, có trách nhiệm và gắn kết chặt chẽ với thị trường.

Sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026 cùng các quy định liên quan tại Nghị định số 38/2026/NĐ-CP, Trung tâm Khuyến nông quốc gia đã triển khai nhiều hoạt động đào tạo, tập huấn và truyền thông nhằm đưa chính sách đến gần hơn với địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã và người sản xuất. Trong hơn hai tháng, Trung tâm đã tổ chức một lớp đào tạo trực tuyến với hàng nghìn điểm cầu; 6 lớp đào tạo giảng viên nguồn (ToT), 6 lớp tập huấn thực hành (ToF), 2 tọa đàm chuyên đề; đồng thời hoàn thành bộ tài liệu, sổ tay hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và quy trình kỹ thuật canh tác sầu riêng bền vững.

Đáng chú ý, định hướng hỗ trợ của hệ thống khuyến nông đang chuyển từ hỗ trợ cấp mã số sang đồng hành duy trì các điều kiện của mã số; từ tuyên truyền, phổ biến văn bản sang hướng dẫn thực hành tại cơ sở; từ quản lý hồ sơ đơn thuần sang gắn mã số với dữ liệu sản xuất thực tế và tổ chức vùng nguyên liệu. Đây là cách tiếp cận cần thiết bởi mã số chỉ thực sự có ý nghĩa khi được duy trì bằng quy trình sản xuất đúng, hồ sơ đầy đủ, dữ liệu minh bạch và sự tuân thủ thường xuyên của các chủ thể tham gia.

Tại Diễn đàn, các đại biểu tập trung trao đổi về việc triển khai những quy định mới, số hóa dữ liệu, thực hiện thủ tục hành chính toàn trình, quản lý hồ sơ, ghi chép nhật ký canh tác và liên kết giữa doanh nghiệp với hợp tác xã, nông dân trong xây dựng vùng nguyên liệu. Thực tế cho thấy, việc kiểm soát vật tư đầu vào, tuân thủ quy trình kỹ thuật, cập nhật dữ liệu và thực hiện truy xuất nguồn gốc vẫn là những yêu cầu cần được hướng dẫn thường xuyên. Đối với nhiều hộ sản xuất, việc duy trì hồ sơ và đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật đòi hỏi sự hỗ trợ sát sao từ cán bộ chuyên môn và hệ thống khuyến nông.

Bên cạnh đó, mối liên kết giữa nông dân, hợp tác xã, cơ sở đóng gói và doanh nghiệp tiêu thụ ở một số nơi chưa thực sự chặt chẽ. Nếu thiếu sự thống nhất về quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng và trách nhiệm của từng bên, vùng trồng có thể được cấp mã nhưng khó duy trì ổn định, sản phẩm sau thu hoạch cũng khó bảo đảm tính đồng nhất và đáp ứng yêu cầu thị trường. Các đại biểu đã chia

sẻ nhiều giải pháp về ứng dụng công nghệ số trong canh tác, quản lý dữ liệu, tiếp cận nguồn vốn tín dụng, cung ứng vật tư và tổ chức liên kết tiêu thụ.

Phát biểu tại Diễn đàn, ông Lê Quốc Thanh, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia nhấn mạnh: Việc cấp mã số mới chỉ là điều kiện ban đầu; quan trọng hơn là tổ chức sản xuất và duy trì mã số để nông sản tiếp cận thị trường ổn định. Muốn vậy, cần xác định rõ quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của từng bên trong chuỗi liên kết.

Kết luận Diễn đàn, ông Hoàng Văn Hồng, Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia đề nghị người sản xuất và doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm từ tổ chức sản xuất đúng quy trình kỹ thuật, đăng ký cấp mã số đến truy xuất nguồn gốc. Truy xuất nguồn gốc không chỉ là yêu cầu quản lý mà còn là giải pháp nâng cao giá trị, uy tín sản phẩm, tạo dựng niềm tin với khách hàng. Cơ quan chuyên môn và hệ thống khuyến nông cần tiếp tục hướng dẫn quy trình kỹ thuật, hỗ trợ cấp và duy trì mã số; doanh nghiệp tăng cường phối hợp cung ứng vật tư, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ tiêu thụ; các hiệp hội ngành hàng đồng hành cùng hợp tác xã và người sản xuất xây dựng vùng nguyên liệu đáp ứng yêu cầu thị trường.

Một điểm nhấn của Diễn đàn là việc ký kết các biên bản ghi nhớ hợp tác giữa Trung tâm Khuyến nông quốc gia, Công ty Cổ phần Tập đoàn Chánh Thu và Công ty TNHH SC Việt Nam; đồng thời ký kết hợp tác giữa 7 nhóm tác nhân tham gia xây dựng vùng nguyên liệu, gồm: hợp tác xã, chính quyền địa phương, doanh nghiệp tiêu thụ, hệ thống khuyến nông, tổ chức tín dụng, đơn vị cung ứng vật tư và doanh nghiệp công nghệ. Đây là bước cụ thể hóa sự tham gia, chia sẻ trách nhiệm và lợi ích giữa các bên trong phát triển vùng nguyên liệu bền vững.



Cấp mã số chỉ là điều kiện ban đầu, quan trọng hơn là duy trì mã số

Trong khuôn khổ chương trình, các đại biểu cũng tham quan mô hình chuỗi sản xuất sầu riêng ứng dụng hệ thống dữ liệu hỗ trợ quản lý mã số vùng trồng tại xã Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Mô hình cho thấy vai trò thiết thực của công nghệ số trong quản lý sản xuất, theo dõi quá trình canh tác và nâng cao tính minh bạch của sản phẩm.

Có thể thấy, MSVT và MSCSĐG chỉ thực sự trở thành lợi thế cạnh tranh khi được xây dựng trên nền tảng sản xuất có trách nhiệm, quy trình kỹ thuật được tuân thủ, hồ sơ đầy đủ và dữ liệu được duy trì liên tục. Thời gian tới, cần tiếp tục đưa chính sách vào thực tiễn, nâng cao năng lực cho lực lượng khuyến nông cơ sở, củng cố liên kết sản xuất – tiêu thụ và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý vùng nguyên liệu. Khi các chủ thể cùng tham gia, cùng tuân thủ và chia sẻ lợi ích, MSVT và MSCSĐG sẽ trở thành nền tảng quan trọng để minh bạch hóa sản xuất, nâng cao chất lượng, khẳng định uy tín và mở rộng thị trường cho nông sản Việt Nam.

QUANG VINH
Trung tâm Khuyến nông quốc gia



THANH NIÊN TIÊN PHONG ĐỔI MỚI CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG TRONG KỶ NGUYÊN SỐ



Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia Cao Minh Tuấn phát biểu kết luận diễn đàn



Cán bộ khuyến nông trẻ tiên phong trong tiếp cận, ứng dụng khoa học công nghệ và thúc đẩy đổi mới sáng tạo

Ngày 22/10/2026, tại Nghệ An, Trung tâm Khuyến nông quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An, Đoàn Thanh niên Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Tỉnh đoàn Nghệ An cùng các đơn vị liên quan tổ chức Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp với chủ đề "Phát huy vai trò thanh niên trong đổi mới công tác khuyến nông gắn với khoa học công nghệ và chuyển đổi số". Diễn đàn thu hút gần 200 đại biểu tham dự.

Phát biểu khai mạc, ông Nguyễn Duy Nhật, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An, nhấn mạnh vai trò tiên phong của thanh niên, đặc biệt là đội ngũ cán bộ khuyến nông trẻ, trong tiếp cận và ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo. Trước yêu cầu chuyển đổi số, hoạt động khuyến nông cần từng bước chuyển từ phương thức truyền thống sang khuyến nông số, khuyến nông thông minh, khai thác hiệu quả trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu số để nâng cao chất lượng tư vấn, hỗ trợ sản xuất và kết nối thị trường cho nông dân.

Tại Diễn đàn, các đại biểu cho rằng sự phát triển của AI, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu số và các nền tảng công nghệ đang mở ra nhiều cơ hội đổi mới hoạt động khuyến nông. Theo đó, khuyến nông không chỉ dừng ở việc truyền đạt kiến thức, hướng dẫn kỹ thuật mà cần chuyển mạnh sang tư vấn, tương tác và đồng hành với người sản xuất; gắn hoạt động hỗ trợ kỹ thuật với chuỗi giá trị, nhu cầu thị trường và hiệu quả kinh tế. Trong quá trình này, thanh niên ngành Nông nghiệp và Môi trường có nhiều lợi thế về khả năng tiếp cận công nghệ, tư duy sáng tạo và thích ứng với phương thức làm việc mới.

Tham luận của Trung tâm Khuyến nông quốc gia nhấn mạnh vai trò của truyền thông thay đổi hành vi trong đổi mới công tác khuyến nông. Truyền thông cần hướng tới giúp người sản xuất hiểu đúng, thực hành và duy trì những phương thức sản xuất phù hợp, thay vì chỉ cung cấp thông tin. Các hình thức truyền thông số như video ngắn, đồ họa thông tin, nhóm cộng đồng trực tuyến và công cụ

AI cần được kết hợp với tập huấn, mô hình trình diễn và hướng dẫn trực tiếp tại cơ sở. Việc ứng dụng công nghệ phải xuất phát từ nhu cầu thực tế, đồng thời được đánh giá bằng hiệu quả áp dụng tiến bộ kỹ thuật, giảm chi phí, nâng cao chất lượng nông sản và thu nhập cho người dân.

Các tham luận và ý kiến thảo luận cũng đề cập đến việc phát huy tiềm năng, vai trò của thanh niên ngành Nông nghiệp và Môi trường; thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong giảm thất thoát, lãng phí thực phẩm; chia sẻ kinh nghiệm ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp.

Bên cạnh những cơ hội, thanh niên, doanh nghiệp và hợp tác xã vẫn gặp không ít khó khăn về nguồn lực, kinh phí, năng lực công nghệ, điều kiện thử nghiệm sáng kiến và kết nối thị trường. Vì vậy, cần tăng cường phối hợp giữa hệ thống khuyến nông, tổ chức Đoàn, cơ quan chuyên môn, nhà khoa học, doanh nghiệp và các chủ thể sản xuất để hỗ trợ thử nghiệm, hoàn thiện và nhân rộng những sáng kiến có tính ứng dụng cao.

Tại phiên thảo luận với chủ đề "Kết nối sáng kiến và nguồn lực thanh niên – Giải pháp đồng hành, tháo gỡ khó khăn cho hợp tác xã và nông dân", các đại biểu tập trung trao đổi về ứng dụng công nghệ, phát triển mô hình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu và kết nối tiêu thụ. Qua đó, nhấn mạnh yêu cầu mỗi sáng kiến cần gắn với vấn đề cụ thể, có địa chỉ triển khai, lực lượng phối hợp và tiêu chí đánh giá hiệu quả.

Một điểm nhấn của Diễn đàn là ra mắt Mạng lưới kết nối thanh niên ngành Nông nghiệp và Môi trường toàn quốc. Đây là định hướng quan trọng nhằm tăng cường trao đổi tri thức, chia sẻ kinh nghiệm, kết nối chuyên gia và huy động nguồn lực giữa các địa phương, đơn vị; tạo điều kiện để thanh niên cùng tham gia giải quyết những vấn đề thực tiễn của ngành.

Cùng với đó, đại diện tuổi trẻ ngành Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An thể hiện cam kết hành động, góp phần chuyển những nội dung trao đổi tại Diễn đàn thành các hoạt động cụ thể, gắn với nhiệm vụ chuyên môn, ứng dụng khoa học công nghệ và hỗ trợ người sản xuất tại cơ sở.

Phát biểu kết luận Diễn đàn, ông Cao Minh Tuấn, Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia, đề nghị tập trung triển khai sáu nhóm giải pháp trọng tâm. Trong đó, thống nhất nhận thức về vai trò tiên phong của thanh niên trong đổi mới phương thức khuyến nông; nâng cao năng lực số, kỹ năng ứng dụng AI có trách nhiệm, sản xuất nội dung truyền thông và khai thác dữ liệu; kết hợp hài hòa giữa khuyến nông trực tiếp và trực tuyến, lấy người sản xuất làm trung tâm.

Đồng thời, cần xây dựng, nhân rộng các mô hình thanh niên khuyến nông số gắn với nhu cầu thực tiễn của địa phương; phát huy hiệu quả mạng lưới thanh niên ngành Nông nghiệp và Môi trường theo hướng tăng cường phối hợp hành động, chia sẻ kinh nghiệm và nhân rộng mô hình hiệu quả. Đặc biệt, các đơn vị cần tạo môi trường thuận lợi, giao nhiệm vụ phù hợp để thanh niên mạnh dạn đề xuất sáng kiến, thử nghiệm giải pháp và tham gia giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn sản xuất.

Diễn đàn là dịp tăng cường kết nối giữa thanh niên, hệ thống khuyến nông, cơ quan quản lý, doanh nghiệp và hợp tác xã; đồng thời khơi dậy tinh thần chủ động, sáng tạo của lực lượng trẻ trong ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số. Qua đó, góp phần đổi mới phương thức hoạt động khuyến nông, nâng cao hiệu quả hỗ trợ người sản xuất, hướng tới nền nông nghiệp hiện đại, sinh thái và bền vững.



Các bạn trẻ cùng phiên livetream "Cây na số" tại tỉnh Thái Nguyên

NGUYỄN SÂM
Trung tâm Khuyến nông quốc gia

Du lịch xanh
MỞ HƯỚNG PHÁT TRIỂN MỚI cho cây chè Phú Thọ



Xã Long Cốc, tỉnh Phú Thọ từ lâu được xem là "lãnh địa" của thắng cảnh đồi chè hình bát úp kỳ thú với hàng ngàn héc - ta chè trải rộng trên miền đồi núi trùng điệp. Xác định được thế mạnh, tiềm năng du lịch do cây chè mang lại, những năm gần đây, xã Long Cốc đã đưa cây chè thành yếu tố chủ lực để phát triển và kích cầu du lịch xanh của địa phương.

Long Cốc là địa phương hợp nhất bởi các xã Long Cốc, Tam Thanh và Vinh Tiền của huyện Tân Sơn cũ, tỉnh Phú Thọ. Từ lâu, đồng bào các dân tộc nơi đây đã thâm canh cây chè, đưa cây trồng này thành chủ lực trong đời sống sản xuất nông nghiệp. Nhờ vào thổ nhưỡng, khí hậu mát mẻ cộng với bàn tay chăm sóc của người nông dân, những đồi chè ở Long Cốc dần được hình thành, phát triển khắp diện tích đồi núi trong xã, dần dần, trở thành "vựa" chè ở tỉnh. Nơi đây sở hữu những đồi chè hình bát úp trùng điệp, với màu xanh ngút ngàn, tạo nên một bức tranh thiên nhiên thơ mộng và kỳ thú. Chính vì vậy, từ lâu, những đồi chè ở xã Long Cốc không chỉ là không gian sản xuất nông nghiệp của cư dân bản địa mà còn là điểm đến khám phá, trải nghiệm của hàng ngàn du khách mỗi năm.

Xã Long Cốc hiện có trên 900 ha chè với hàng trăm đồi chè hình bát úp nối nhau liên tiếp tạo nên một thắng cảnh chè bồng bềnh trong sương sớm. Xác định được lợi thế của cây chè không chỉ trong phát triển kinh tế mà còn là yếu tố chủ lực trong phát triển du lịch, trong những năm gần đây, xã Long Cốc đã chú trọng đầu tư, quy hoạch những đồi chè diện tích lớn để vừa tạo ra giá trị kinh tế, vừa thúc đẩy kích cầu du lịch xanh. Với mục tiêu tăng trưởng đến năm 2030 đón từ 10.000 lượt khách/năm trở lên, chính quyền xã đã hướng dẫn người dân bản địa trồng và phát triển chè trên diện tích đất của gia đình, đồng thời, thành lập Hợp tác xã chè nhằm phát triển, khoanh vùng chè, tạo đầu ra và xây dựng thương hiệu cho sản phẩm chè. Vì vậy, nhiều sản phẩm chè Long Cốc đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng OCOP 3 sao, 4 sao, hướng đến sản phẩm đạt chuẩn OCOP 5 sao.

Cùng với tạo ra sản phẩm chè chất lượng, xã còn chú trọng xây dựng cảnh quan. Khi dừng chân ở đồi chè Long Cốc, những địa



Đến Long Cốc, du khách sẽ có cơ hội tìm hiểu về văn hóa xứ Mường

danh như đồi chè móng ngựa, đồi chè hình trái tim, quần thể các ốc đảo chè hình bát úp...đã trở thành điểm check-in lý tưởng của du khách mọi miền. Đồng thời, địa phương cũng chú trọng công tác truyền thông trên các trang nền tảng xã hội để tạo sự lan toả, giới thiệu, quảng bá vẻ đẹp của thắng cảnh đồi chè Long Cốc đối với du khách trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, xã cũng đẩy mạnh công tác tuyên truyền để người dân cùng chung tay xây dựng mô hình đồi chè du lịch, phát triển du lịch xanh và thân thiện, chung tay bảo vệ môi trường, cảnh quan, tạo dựng các dịch vụ như homestay, nghỉ dưỡng, đặc sản địa phương để đáp ứng nhu cầu trải nghiệm du lịch của du khách mọi miền.

Chị Hà Thị Ngoại ở thôn Bông, xã Long Cốc chia sẻ, diện tích chè của gia đình chị mỗi năm cho 6 vụ thu hoạch chè búp tươi, sản lượng đạt 3 tấn/lần, tập trung vào các tháng 6, 7, 8. Chè tươi hái về bán giá 45.000 đồng/10kg cho nhà máy. Ngoài ra, gia đình chị còn làm chè khô để bán cho du khách. Vào thứ Bảy, chủ nhật hằng tuần, lượng khách đến đồi chè Long Cốc đông nên chị lên địa điểm đỉnh đồi chè để bán nước, các thức quà bản địa cho du khách. Nhờ đó, gia đình chị Ngoại vừa có thu nhập từ cây chè, vừa tăng thu nhập từ du lịch.

Chị Lê Phương Thảo, 42 tuổi, du khách ở Hà Nội chia sẻ: "Lần đầu đến với xứ sở chè Long Cốc, tôi và gia đình không khỏi ngỡ ngàng trước vùng đồi chè xanh bạt ngàn. Không gian núi đồi ở Long Cốc xanh, sạch, đẹp, con người nơi đây chất phác, thân thiện. Long Cốc thực sự là một điểm đến trải nghiệm lý tưởng của tôi và du khách mọi miền".

Long Cốc là vùng đất sinh sống của đồng bào Mường từ lâu đời, vì thế, khi đến với xứ sở chè Long Cốc, sau khi chiêm ngưỡng vẻ đẹp của những đồi chè, du khách sẽ có cơ hội tìm hiểu những nét văn hóa bản Mường với phong tục tập quán đậm đà bản sắc và thưởng thức những món ẩm thực của người Mường. Trên những căn nhà sàn vững chãi bên ven suối, du khách sẽ được thưởng thức các món ăn do người Mường chế biến như cỗ lá từ thịt lợn bản, thịt chua, canh loóng chuối, cá suối, rau đồ, xôi nếp gà gáy, vịt lam, rượu ngô men lá.

Cứ ngỡ, cây chè Long Cốc chỉ là một trong những cây trồng trong hướng đi thoát nghèo, phát triển kinh tế nông nghiệp của người nông dân. Nhưng nay, cây chè đã và đang góp phần chủ đạo vào hướng phát triển bền vững của địa phương, tạo nên một bức tranh du lịch xanh, cất lên tiếng gọi mời hấp dẫn nơi xứ Mường.



NGUYỄN THẾ LƯỢNG
Hạ Hoà, Phú Thọ

Người đảng viên tiên phong TRÊN VÙNG ĐẤT KHÓ

Hơn 25 năm gắn bó với Hợp tác xã sản xuất dịch vụ tổng hợp (HTX) Diên Khánh, xã Mỹ Thủy, tỉnh Quảng Trị, ông Hoàng Hải, Bí thư Chi bộ, Giám đốc HTX luôn trăn trở tìm hướng khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai, nâng cao giá trị sản xuất và cải thiện đời sống người dân. Từ những suy nghĩ ấy, ông đã mạnh dạn khởi xướng nhiều mô hình sản xuất mới, biến những vùng đất khó thành vùng sản xuất hàng hóa, góp phần thay đổi diện mạo quê hương.

Nhắc đến ông Hải, người dân thôn Diên Khánh nhớ đến một cán bộ HTX tận tâm, luôn đi đầu trong các phong trào phát triển sản xuất. Dấu ấn nổi bật nhất của ông là việc khai hoang, cải tạo gần 30 ha rú cát từng bị bỏ hoang nhiều năm trên địa bàn.

Ông Hải kể, trong những năm đầu đảm nhận cương vị Giám đốc HTX, điều khiến ông trăn trở nhất là gần 30 ha rú cát của đơn vị vẫn bị bỏ hoang, cỏ dại mọc um tùm, trong khi nhiều hộ dân lại thiếu đất sản xuất. Trăn trở trước thực tế đó, năm 2006, ông mạnh dạn đề xuất phương án khai hoang, cải tạo vùng đất này. Đây là quyết định không dễ dàng bởi cần nguồn kinh phí lớn và huy động nhiều nhân lực để cải tạo mặt bằng. Ông cùng Ban quản trị HTX xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai. Sau khi khai hoang, toàn bộ khu vực được quy hoạch thành từng ô sản xuất, kết hợp hệ thống giao thông nội đồng, tạo thuận lợi cho việc canh tác.

Có đất sản xuất, ông Hải tiếp tục vận động người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đưa cây ném vào canh tác. Ban đầu, không ít hộ còn e ngại bởi đất cát khô cằn, thiếu nước, lo cây trồng khó sinh trưởng. Để tạo niềm tin, ông cùng cán bộ HTX kiên trì tuyên truyền, hướng dẫn kỹ thuật, phân tích hiệu quả kinh tế; đồng thời trích Quỹ phát triển sản xuất của HTX hỗ trợ, động viên những hộ tiên phong trồng ném.

Thực tế đã chứng minh hướng đi này phù hợp. Cây ném thích nghi tốt với điều kiện đất đai, chi phí đầu tư không lớn nhưng mang lại giá trị kinh tế cao gấp 2-3 lần so với các loại cây trồng truyền thống như khoai, sắn. Đến nay, vùng rú cát hoang hóa năm nào đã trở thành vùng chuyên canh ném xanh tốt, tạo nguồn thu nhập ổn định cho hàng trăm hộ dân. Thành quả ấy không chỉ đến từ sự chuyển đổi cây trồng mà còn là kết quả của tư duy đổi mới, quyết tâm khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai của người đứng đầu HTX.



Ông Hải luôn đi đầu trong các phong trào phát triển sản xuất tại địa phương



Chăn nuôi gà và trồng ném là hai trong số các mô hình mà ông Hải cùng bà con đã triển khai và mang lại hiệu quả

Không chỉ mở hướng sản xuất trên vùng đất cát, ông Hải còn dành nhiều tâm huyết đổi mới sản xuất trên những cánh đồng lúa. Trước tình hình thời tiết ngày càng diễn biến thất thường, sâu bệnh phức tạp, một số giống lúa truyền thống dần bộc lộ hạn chế về năng suất và khả năng chống chịu. Qua tìm hiểu, phối hợp với ngành chuyên môn, ông chủ động lựa chọn giống lúa HG244 đưa vào sản xuất, từng bước thay thế giống Khang Dân.

Hiểu tâm lý e ngại của người dân khi phải thay đổi giống lúa đã quen thuộc, ông Hải quyết định gieo cấy HG244 trước trên chính diện tích ruộng của gia đình. Qua từng giai đoạn sinh trưởng, bà con đều có thể trực tiếp theo dõi, đánh giá khả năng thích nghi của giống lúa mới. Khi nhận thấy HG244 có thân cây cứng, chống đổ ngã tốt, thích ứng với điều kiện thời tiết và cho năng suất ổn định, nhiều hộ đã mạnh dạn làm theo. Đến nay, giống HG244 chiếm khoảng 70% tổng diện tích gieo cấy của HTX, trở thành giống lúa chủ lực, thay thế phần lớn diện tích giống Khang Dân trước đây.

Không chỉ vận động người dân đổi mới sản xuất, ông Hải còn trực tiếp tiên phong thực hiện những mô hình kinh tế mới ngay trên gia đình mình. Năm 2021, nhận thấy chăn nuôi gia công theo chuỗi liên kết có khả năng mang lại hiệu quả kinh tế ổn định, ông đầu tư hơn 700 triệu đồng xây dựng hệ thống chuồng trại khép kín, liên kết với Công ty Japfa nuôi gà thịt.

Bình quân mỗi lứa, gia đình ông nuôi khoảng 10.000 con gà, mỗi năm xuất bán 3 lứa. Nhờ áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học và tuân thủ yêu cầu kỹ thuật của doanh nghiệp, đàn gà phát triển ổn định, tỷ lệ hao hụt thấp. Sau khi trừ chi phí, mỗi lứa mang lại lợi nhuận từ 80-100 triệu đồng.

Theo ông Hải, ưu điểm lớn nhất của mô hình liên kết là người chăn nuôi không phải lo đầu ra, được doanh nghiệp hỗ trợ con giống, thức ăn, thuốc thú y và chuyển giao kỹ thuật, qua đó giảm đáng kể rủi ro. Từ hiệu quả thực tế, nhiều hộ dân trong xã đã tìm hiểu, học hỏi kinh nghiệm để phát triển chăn nuôi liên kết, từng bước thay đổi phương thức sản xuất nhỏ lẻ. Với ông, thành công không chỉ nằm ở hiệu quả kinh tế của gia đình mà quan trọng hơn là mô hình có thể lan tỏa, giúp nhiều người cùng phát triển.

Đánh giá về ông Hoàng Hải, ông Dương Viết Hải, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Mỹ Thủy cho biết, điều đáng quý ở ông Hải là tinh thần tiên phong, gương mẫu, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của người đảng viên. Trong công tác, ông luôn chủ động tìm tòi, nghiên cứu những mô hình phù hợp với điều kiện địa phương, mạnh dạn đề xuất giải pháp khai thác tiềm năng đất đai, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi nhằm nâng cao thu nhập cho người dân. Đặc biệt, trước mỗi hướng sản xuất mới, ông đều trực tiếp thực hiện để chứng minh hiệu quả rồi mới vận động bà con nhân rộng.

Không chỉ chú trọng phát triển sản xuất, trên cương vị Giám đốc HTX, ông Hải còn tích cực vận động người dân tham gia xây dựng nông thôn mới, đóng góp xây dựng các tuyến đường hoa, hệ thống đèn chiếu sáng, góp phần làm cho làng quê ngày càng khang trang, sạch đẹp.

Những việc làm của ông Hoàng Hải đều xuất phát từ mong muốn tìm hướng phát triển mới cho quê hương. Sự tiên phong, quyết đoán cùng cách làm thực chất, lấy hiệu quả làm minh chứng đã giúp ông tạo dựng niềm tin trong nhân dân. Đó cũng là cách người đảng viên đưa chủ trương, nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, góp phần khơi dậy tinh thần đổi mới và ý chí vươn lên trong cộng đồng.

LAN ANH
Trung tâm Khuyến nông Quảng Trị

Lào Cai:

Nâng tầm giá trị măng mai, tạo sinh kế cho phụ nữ vùng cao



HTX Dương Phúc tổ chức thu mua măng cho bà con nông dân

Nằm giữa những dãy núi trùng điệp của vùng cao Lâm Thượng, tỉnh Lào Cai, những cánh rừng măng mai từ lâu đã gắn bó với đời sống của người dân địa phương. Đây không chỉ là sản vật đặc trưng mà còn là nguồn sinh kế quan trọng của nhiều hộ gia đình. Tuy nhiên, khi chưa có tổ chức thu mua và chế biến, măng mai chủ yếu được khai thác, bán tươi theo mùa vụ, giá trị kinh tế chưa cao, đầu ra thiếu ổn định. Từ thực tế đó, Hợp tác xã (HTX) nông lâm sản Dương Phúc, thôn Khéo Lẹng, xã Lâm Thượng đã ra đời, từng bước tổ chức lại sản xuất, kết nối tiêu thụ và nâng cao giá trị sản phẩm măng mai bản địa.

Người đứng sau sự hình thành và phát triển của HTX là bà Nguyễn Thị Dím, Giám đốc HTX. Chứng kiến nhiều phụ nữ trong thôn quanh năm vất vả trên nương rẫy nhưng thu nhập còn thấp, sản vật măng mai đến mùa thu hoạch thường bị thương lái ép giá, bà Dím luôn trăn trở tìm hướng đi mới. Theo bà, nếu chỉ khai thác và bán nguyên liệu thô thì người dân khó nâng cao thu nhập. Muốn phát triển lâu dài, cần liên kết các hộ sản xuất, chủ động thu mua, đầu tư chế biến và tìm kiếm thị trường tiêu thụ ổn định.

Từ suy nghĩ đó, HTX Dương Phúc từng bước xây dựng chuỗi sản xuất, chế biến và tiêu thụ măng mai. Không chỉ tổ chức thu mua sản phẩm cho người dân, HTX còn hướng dẫn các hộ thành viên và hộ liên kết khai thác, chăm sóc rừng măng theo hướng hợp lý, chú trọng bảo vệ gốc cây, thảm thực vật và nguồn nước. Việc khai thác gắn với bảo vệ diện tích măng mai tự nhiên vừa duy trì nguồn nguyên liệu lâu dài, vừa góp phần bảo vệ hệ sinh thái rừng tại địa phương.

Điểm quan trọng trong hoạt động của HTX là chuyển từ bán măng tươi sang sơ chế, chế biến nhiều dòng sản phẩm, qua đó nâng cao giá trị nông sản. Theo số liệu của HTX, tính đến ngày 30/9/2026, đơn vị đã thu mua tổng cộng 350 tấn măng tươi các loại từ người dân. Nguyên liệu được phân loại thành măng ống, măng vỏ và măng ngọn để đưa vào các công đoạn chế biến phù hợp.

Với nhà xưởng được đầu tư và bố trí hợp lý, HTX có khả năng sơ chế bình quân 2-2,5 tấn măng tươi mỗi ngày. Sau khi thu hái, măng được vận chuyển về cơ sở, phân loại, gọt vỏ, luộc và xử lý trong ngày nhằm bảo đảm chất lượng, giữ được độ giòn và hương vị tự nhiên.

Cùng với năng lực chế biến, việc tìm kiếm và duy trì thị trường tiêu thụ được HTX đặc biệt



Sơ chế măng tại Công ty Cổ phần Yên Thành

Cây măng mai đã từ lâu là nguồn sinh kế quan trọng của bà con xã Lâm Thượng



chú trọng. Trong tổng số 350 tấn măng tươi thu mua, khoảng 180 tấn được chế biến thành phẩm để cung ứng cho Công ty cổ phần Yên Thành và Công ty GOC phục vụ xuất khẩu nông sản; khoảng 170 tấn còn lại được chế biến thành măng khô, tiêu thụ tại nhiều thị trường. Việc hình thành các kênh tiêu thụ tương đối ổn định giúp HTX chủ động hơn trong tổ chức sản xuất, đồng thời tạo đầu ra cho sản phẩm của người dân.

Không chỉ tạo giá trị kinh tế từ sản phẩm bản địa, hoạt động của HTX Dương Phúc còn góp phần cải thiện sinh kế và nâng cao vai trò của phụ nữ dân tộc thiểu số tại địa phương. Hiện HTX thu mua măng mai của người dân với giá bình quân khoảng 6.000 đồng/kg, góp phần hạn chế tình trạng bị thương lái ép giá vào chính vụ. Vào thời điểm thu hoạch và chế biến cao điểm, HTX còn tạo việc làm thời vụ cho khoảng 15 lao động trực tiếp tại xưởng, phần lớn là phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn ở thôn Khéo Lẹng và các khu vực lân cận.

Tham gia vào các công đoạn sơ chế, phân loại, đóng gói sản phẩm, chị em không chỉ có thêm thu nhập mà còn được tiếp cận với quy trình sản xuất, yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm và cách thức tổ chức kinh doanh theo mô hình kinh tế tập thể. Từ chỗ chủ yếu tham gia sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ, nhiều phụ nữ đã có thêm cơ hội tạo thu nhập, chủ động hơn trong phát triển kinh tế gia đình.

Với bà Nguyễn Thị Dím, điều đáng mừng không chỉ là sản lượng măng được thu mua hay doanh thu từ hoạt động chế biến, mà còn là việc sản vật của quê hương ngày càng có chỗ đứng trên thị trường, người dân có thêm đầu ra và việc làm tại chỗ. Đây cũng là động lực để HTX tiếp tục duy trì liên kết với các hộ dân, mở rộng quy mô chế biến và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Thời gian tới, HTX Dương Phúc định hướng tiếp tục đầu tư công nghệ chế biến, cải tiến mẫu mã, bao bì và hoàn thiện các điều kiện để phát triển thị trường. Hiện HTX đang xây dựng hồ sơ đăng ký sản phẩm măng mai thái sợi đạt OCOP, hướng tới nâng cao khả năng nhận diện thương hiệu và giá trị thương mại của sản phẩm địa phương.

Từ những cánh rừng măng mai vốn gắn bó với đời sống người dân đến chuỗi thu mua, chế biến và tiêu thụ ngày càng được hình thành, HTX Dương Phúc đang góp phần khai thác tốt hơn tiềm năng nông lâm sản bản địa. Quan trọng hơn, mô hình đã mở thêm cơ hội việc làm, tạo thu nhập và khơi dậy tinh thần chủ động làm kinh tế trong phụ nữ vùng cao. Đó cũng là hướng đi thiết thực để phát triển kinh tế tập thể gắn với bảo vệ tài nguyên rừng, nâng cao giá trị sản phẩm và xây dựng sinh kế bền vững tại địa phương.

NGÔ ĐĂNG SỸ
Trung tâm Khuyến nông Lào Cai

HIỆU QUẢ MÔ HÌNH CHĂN NUÔI BÒ THỊT THEO HƯỚNG TUẦN HOÀN



Khu chuồng nuôi được thiết kế thông thoáng đảm bảo vệ sinh thú y



Cán bộ Khuyến nông kiểm tra, đánh giá sự tăng trọng của đàn bò tại hộ ông Nguyễn Trọng Chung, xã Phật Tích

Trước yêu cầu nâng cao năng suất, chất lượng và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi, chuyển đổi sang phương thức sản xuất tuần hoàn đang trở thành hướng đi cần thiết. Tại Bắc Ninh, Dự án Khuyến nông Trung ương năm 2026 "Xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp theo tuần hoàn" do Trung tâm Khuyến nông Bắc Ninh triển khai đã bước đầu chứng minh hiệu quả từ việc kết nối các khâu sản xuất, tận dụng phụ phẩm và tái sử dụng chất thải.

Dự án được thực hiện tại xã Phật Tích và phường Thuận Thành, với quy mô 160 con bò thịt, 30 hộ tham gia và 1,5 ha ngô sinh khối. Sau thời gian triển khai, mô hình không chỉ vượt các chỉ tiêu kỹ thuật, nâng cao hiệu quả kinh tế mà còn góp phần thay đổi tư duy sản xuất của người chăn nuôi theo hướng tiết kiệm tài nguyên, giảm chất thải và thân thiện với môi trường.

Ông Nguyễn Trọng Chung, hộ tham gia mô hình tại xã Phật Tích, chia sẻ: "Trong suốt quá trình thực hiện, cán bộ kỹ thuật thường xuyên bám sát cơ sở, hướng dẫn theo phương pháp cầm tay chỉ việc, từ lựa chọn bò, xác định khối lượng, tẩy nội ngoại ký sinh trùng đến xây dựng khẩu phần ăn, vệ sinh chuồng trại và theo dõi các chỉ tiêu kỹ thuật. Nhờ vậy, chúng tôi yên tâm hơn trong quá trình chăn nuôi".

Để giúp người dân tiếp cận quy trình sản xuất mới, Trung tâm Khuyến nông Bắc Ninh đã tổ chức 2 lớp tập huấn cho 60 lượt người, tập trung vào kỹ thuật vỗ béo bò thịt, trồng ngô sinh khối và xử lý chất thải chăn nuôi làm phân bón. Các hộ còn được hỗ trợ một phần thức ăn hỗn hợp, thuốc tẩy nội ngoại ký sinh trùng, giống ngô lai NK 7328 và phân bón, đồng thời thực hiện đối ứng theo quy định.

Điểm đáng chú ý là các hộ được hướng dẫn xác định khối lượng, phân loại bò theo độ tuổi, tầm vóc và trọng lượng để xây dựng khẩu phần dinh dưỡng phù hợp. Việc áp dụng đồng bộ các biện pháp chăm sóc, nuôi dưỡng và vệ sinh thú y giúp người dân chủ động hơn trong quản lý đàn bò, kiểm soát chi phí và nâng cao hiệu quả vỗ béo.

Sau 90 ngày theo dõi, đàn bò trong mô hình đạt kết quả tăng trưởng tích cực. Khối lượng bình quân đầu kỳ đạt 362 kg/con, cuối kỳ đạt trên 454 kg/con. Mức tăng trọng bình quân đạt trên 1.068 g/con/ngày, vượt 318 g/con/ngày so với chỉ tiêu dự án (từ 750 g/con/ngày trở lên). Trong đó, đàn bò tại xã Phật Tích đạt trên 1.070 g/con/ngày, phường Thuận Thành đạt 1.066 g/con/ngày. Nhóm bò có trọng lượng trên 400 kg đạt mức tăng trọng cao nhất, trên 1.115 g/con/ngày.

Hiệu quả kinh tế cũng là điểm nổi bật của mô hình. Theo hạch toán, bình quân mỗi con bò áp dụng quy trình vỗ béo có mức chênh lệch thu - chi sau 3 tháng đạt 2.977.570 đồng, cao hơn mức 2.430.800 đồng của phương thức không áp dụng đầy đủ quy trình, tương đương tăng khoảng 22,5%. Tổng hợp chung, hiệu quả kinh tế của mô hình tăng 12,5% so với yêu cầu đặt ra.

Kết quả này cho thấy việc kết hợp thức ăn hỗn hợp với thức ăn thô xanh, thực hiện tốt vệ sinh thú y và quản lý chặt chẽ quá trình chăm sóc có ý nghĩa quan trọng trong nâng cao khả năng tăng trọng, rút ngắn thời gian nuôi và cải thiện thu nhập cho người chăn nuôi.

Không chỉ mang lại hiệu quả về năng suất và kinh tế, mô hình còn tạo chuyển biến tích cực trong xử lý chất thải chăn nuôi. Theo thống kê, 100% hộ tham gia đã thực hiện các biện pháp xử lý chất thải như tận dụng làm chất đốt, ủ phân bón cho cây trồng; một số hộ sử dụng hầm khí sinh học Biogas và men vi sinh để giảm mùi, hỗ trợ phân hủy chất thải, hạn chế vi khuẩn có hại.

Cùng với đó, diện tích 1,5 ha ngô sinh khối đạt năng suất 51,7 tấn/ha đã góp phần bảo đảm nguồn thức ăn xanh cho đàn bò. Việc kết hợp trồng ngô, chăn nuôi và xử lý chất thải làm phân bón tạo thành chu trình liên kết khép kín, trong đó phụ phẩm và chất thải của công đoạn này trở thành đầu vào cho công đoạn khác. Qua đó, vừa giảm chi phí sản xuất, vừa hạn chế ô nhiễm môi trường và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên.

Từ kết quả thực tế, mô hình bước đầu tạo được sức lan tỏa tại địa phương. Qua khảo sát, đã có 5 hộ tiếp tục nhân rộng với quy mô 56 con bò, bằng 35% quy mô đàn bò ban đầu của dự án. Đây là tín hiệu tích cực, cho thấy người dân đã quan tâm và sẵn sàng áp dụng quy trình mới khi hiệu quả được chứng minh bằng thực tiễn sản xuất.

Công tác thông tin, tuyên truyền cũng được Trung tâm Khuyến nông Bắc Ninh chú trọng với 30 biển báo mô hình, 3.000 tờ gấp và các tin, bài trên các kênh thông tin của Trung tâm. Ngày 26/8/2026, hội thảo đầu bờ được tổ chức với sự tham gia của 100 đại biểu nhằm đánh giá kết quả, trao đổi kinh nghiệm và giới thiệu khả năng nhân rộng mô hình.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai vẫn còn một số khó khăn như kỹ năng ghi chép nhật ký sản xuất của một số hộ hạn chế, mức độ tiếp nhận kỹ thuật chưa đồng đều, đầu ra sản phẩm chưa ổn định và người chăn nuôi còn chịu tác động của biến động thị trường. Đây là những vấn đề cần tiếp tục được quan tâm, nhất là tăng cường liên kết tiêu thụ, nâng cao năng lực quản lý sản xuất và tổ chức chăn nuôi an toàn.

Thực tế triển khai tại Bắc Ninh cho thấy, sản xuất nông nghiệp theo hướng tuần hoàn không chỉ giúp nâng cao năng suất, hiệu quả chăn nuôi mà còn mở ra cách tiếp cận mới trong sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường. Từ chăn nuôi đơn lẻ, người dân từng bước chuyển sang liên kết các khâu sản xuất, tận dụng phụ phẩm, tái sử dụng chất thải và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Đây là cơ sở quan trọng để tiếp tục nhân rộng mô hình, góp phần phát triển chăn nuôi xanh, nâng cao thu nhập và hướng tới nền nông nghiệp bền vững.



HƯƠNG GIANG
Trung tâm Khuyến nông Bắc Ninh

ĐÀ NẴNG: MỞ HƯỚNG NUÔI CÁ CHÌNH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TUẦN HOÀN NƯỚC

Trước biến động môi trường nuôi trồng thủy sản và nguy cơ dịch bệnh, nhiều nông dân đang tìm hướng sản xuất hiệu quả, bền vững hơn. Trong đó, mô hình nuôi cá chình ứng dụng công nghệ tuần hoàn nước (RAS) cho thấy nhiều ưu điểm, tiết kiệm diện tích, kiểm soát môi trường nuôi, nâng cao hiệu quả kinh tế.



Mô hình giúp người dân chủ động kiểm soát môi trường nước hạn chế dịch bệnh

Một trong những hộ tiên phong áp dụng công nghệ này là gia đình anh Nguyễn Can ở thôn Đại Quang, xã Hà Nha, TP Đà Nẵng. Sau 3 năm triển khai, mô hình bước đầu mang lại kết quả tích cực. Trên diện tích khoảng 250m², anh quy hoạch 10 bể nuôi, mỗi bể 25m². Hiện gia đình đã đưa vào sử dụng 7 bể với khoảng 5.000 con cá chình nhiều kích cỡ và dự kiến tiếp tục hoàn thiện 3 bể còn lại.

Điểm nổi bật của công nghệ RAS là khả năng tái sử dụng nước thông qua hệ thống lọc tuần hoàn. Nước từ bể nuôi được lọc bỏ chất thải, thức ăn dư thừa, xử lý các chất có hại và bổ sung o-xy trước khi đưa trở lại bể. Quy trình này giúp duy trì chất lượng nước ổn định, tiết kiệm nước, giảm chất thải ra môi trường và hạn chế nguy cơ dịch bệnh.

Theo anh Can, mô hình không đòi hỏi diện tích ao hồ lớn, thuận tiện trong quản lý và chăm sóc. Chỉ với khoảng 25m², người dân có thể xây dựng một bể nuôi cá chình. Việc chủ động kiểm soát nguồn nước, kết hợp sử dụng chế phẩm vi sinh thay cho kháng sinh góp phần hạn chế dịch bệnh, nâng cao chất lượng cá thương phẩm.

Hiệu quả kinh tế là yếu tố giúp gia đình anh Can thêm tin tưởng vào hướng sản xuất này. Sau 18 - 24 tháng nuôi, cá chình đạt trọng lượng từ 1,2kg đến trên 1,5kg/con. Bình quân mỗi bể thu hoạch khoảng 300kg cá thương phẩm sau chu kỳ nuôi gần 2 năm. Với giá bán từ 500.000 - 600.000 đồng/kg, lợi nhuận đạt hơn 80 triệu đồng/bể. Sản phẩm được thương lái thu mua, tạo thuận lợi cho gia đình duy trì và mở rộng sản xuất.

Từ kết quả bước đầu, Trung tâm Khuyến nông thành phố Đà Nẵng tiếp tục hỗ trợ gia đình anh Can 750 con cá chình giống cùng thức ăn theo cơ chế đối ứng 40%, góp phần giảm chi phí đầu tư và tạo điều kiện mở rộng mô hình. "Được Trung tâm Khuyến nông thành phố hỗ trợ con giống, thức ăn và hướng dẫn kỹ thuật, gia đình tôi rất phấn khởi, có thêm động lực sản xuất. Nếu đàn cá giống phát triển tốt, tôi sẽ tiếp tục mở rộng mô hình phù hợp với quỹ đất của gia đình", anh Can chia sẻ.





Cán bộ Trung tâm Khuyến nông thành phố Đà Nẵng hướng dẫn người dân kỹ thuật chăm sóc cá chình

Cũng mạnh dạn chuyển đổi hướng sản xuất để nâng cao thu nhập, gia đình chị Phan Thị Lai, thôn Đại Hiệp Đông, xã Đại Lộc, thành phố Đà Nẵng đã có 3 năm gắn bó với mô hình nuôi cá chình ứng dụng công nghệ tuần hoàn nước. Trước đây, gia đình chị chủ yếu chăn nuôi bò, lợn, dê, sau đó từng bước chuyển sang nuôi cá chình. Đến nay, gia đình duy trì khoảng 600 - 700 con cá, bước đầu tạo thêm thu nhập.

Theo chị Lai, cá chình có giá trị kinh tế cao, số hộ nuôi chưa nhiều, trong khi nhu cầu thu mua trên thị trường tương đối ổn định. Tuy nhiên, quá trình nuôi cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro, nhất là việc kiểm soát chất lượng nước, duy trì lượng o-xy và vận hành hệ thống máy móc. Chỉ cần thiết bị gặp sự cố hoặc môi trường nước biến động, đàn cá có thể bị ảnh hưởng.

Trước những khó khăn đó, gia đình chị Lai được Trung tâm Khuyến nông thành phố Đà Nẵng tạo điều kiện tham quan, học hỏi mô hình nuôi cá chình tại Khánh Hòa, qua đó có thêm kiến thức, kinh nghiệm trong chăm sóc và quản lý đàn cá.

Đợt này, gia đình chị tiếp tục được hỗ trợ 750 con cá chình giống cùng thức ăn để phát triển sản xuất. "Nuôi cá chình phải thường xuyên theo dõi hệ thống máy móc, nguồn nước và lượng o-xy trong bể. Nhờ được tham quan, học hỏi kinh nghiệm và hỗ trợ con giống, gia đình có thêm điều kiện phát triển mô hình. Chúng tôi mong tiếp tục được cán bộ khuyến nông hướng dẫn kỹ thuật để hạn chế rủi ro, nâng cao hiệu quả nuôi", chị Lai chia sẻ.

Theo Trung tâm Khuyến nông thành phố Đà Nẵng, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất của các hộ nuôi, Trung tâm đã hỗ trợ hai hộ tổng cộng 1.500 con cá chình giống cùng thức ăn theo cơ chế đối ứng 40%, mỗi hộ 750 con. Đồng thời, Trung tâm tổ chức tham quan, học hỏi kinh nghiệm, hướng dẫn kỹ thuật và hỗ trợ cải tiến hệ thống tuần hoàn nước, giúp các hộ nâng cao hiệu quả nuôi, từng bước mở rộng quy mô sản xuất.

Bà Ngô Thị Thu Vân, Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông TP Đà Nẵng cho biết, hoạt động hỗ trợ nhằm khuyến khích người dân ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, phát triển các đối tượng thủy sản có giá trị kinh tế cao, sử dụng hiệu quả nguồn nước và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Theo bà Vân, cá chình có tiềm năng kinh tế nhưng thời gian nuôi tương đối dài, đòi hỏi vốn đầu tư, cơ sở vật chất và kỹ thuật chăm sóc phù hợp. Vì vậy, bên cạnh hỗ trợ con giống, thức ăn, Trung tâm còn tổ chức tham quan, học hỏi kinh nghiệm và hướng dẫn người dân vận hành hệ thống tuần hoàn nước, kiểm soát môi trường nuôi, xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình sản xuất.

"Trung tâm tiếp tục đồng hành cùng bà con trong quá trình nuôi, hướng dẫn các giải pháp kỹ thuật và cải tiến phương thức sản xuất để nâng cao hiệu quả. Thời gian tới, chúng tôi mong muốn các hộ dân khác có thể tham quan, học hỏi kinh nghiệm từ hai mô hình này để từng bước nhân rộng", bà Vân cho biết.

Từ những kết quả bước đầu, mô hình nuôi cá chình ứng dụng công nghệ RAS đang mở thêm hướng phát triển kinh tế cho nông dân Đà Nẵng. Sự chủ động đầu tư của người dân cùng hoạt động hỗ trợ con giống, thức ăn và chuyển giao kỹ thuật của khuyến nông đang tạo thêm điều kiện để các hộ nâng cao hiệu quả sản xuất, từng bước nhân rộng mô hình nuôi thủy sản theo hướng hiện đại, bền vững.

LAN ANH



Tận dụng lợi thế vùng nước lợ cửa sông Nhượng, người dân thôn Đồng Phúc, xã Thiên Cầm, tỉnh Hà Tĩnh đã phát triển nghề nuôi cá vược lồng theo hướng hàng hóa. Từ những lồng nuôi thử nghiệm ban đầu, mô hình ngày càng được mở rộng, mang lại nguồn thu nhập đáng kể, đồng thời mở ra hướng khai thác hiệu quả tiềm năng mặt nước và phát triển sinh kế cho cư dân ven biển.

Hà Tĩnh: Nuôi cá vược lồng ĐÁNH THỨC TIỀM NĂNG VÙNG NƯỚC LỢ

Hiện toàn thôn Đồng Phúc có 6 hộ nuôi cá vược với 30 lồng, mỗi năm cung ứng ra thị trường trên 20 tấn cá thương phẩm. Nhờ điều kiện môi trường phù hợp, cá sinh trưởng tốt, chất lượng thịt thơm ngon, được thương lái thu mua thuận lợi. Nghề nuôi cá vược vì thế đang trở thành nguồn thu nhập quan trọng của nhiều hộ dân địa phương.

Là một trong những người tiên phong đưa cá vược về nuôi tại vùng cửa sông Nhượng, ông Trần Văn Dũng hiện duy trì 7 lồng nuôi. Mỗi năm, gia đình ông thu hoạch khoảng 5 tấn cá thương phẩm, doanh thu trên 700 triệu đồng, lợi nhuận sau khi trừ chi phí khoảng 350 triệu đồng.

Ít ai biết rằng, để có được kết quả hôm nay, ông Dũng đã trải qua quá trình tìm tòi, thử nghiệm và tích lũy kinh nghiệm. Trước khi trở về quê lập nghiệp, ông từng có nhiều năm làm việc tại các trang trại nuôi cá vược ở Hải Phòng. Chính những kinh nghiệm thực tế ấy đã giúp ông nhận ra tiềm năng của vùng nước lợ quê nhà và mạnh dạn đầu tư phát triển đối tượng nuôi mới.

Ông Dũng nhớ lại: "Năm 2005, nhận thấy khu vực cửa sông Nhượng có điều kiện phù hợp để nuôi cá vược, trong khi đây là đối tượng thủy sản có giá trị kinh tế cao, tôi quyết định đầu tư nuôi thử nghiệm. Ban đầu gia đình chỉ thả khoảng 1.000 con giống trong 2 lồng. Sau 5-6 tháng, cá đạt trọng lượng từ 0,8-1 kg/con, chất lượng thịt thơm ngon, được thương lái thu mua thuận lợi. Từ hiệu quả bước đầu, tôi tiếp tục mở rộng quy mô và gắn bó với nghề đến nay."



Khu vực cửa sông Nhượng có điều kiện phù hợp để nuôi cá vược

Theo ông Dũng, nuôi cá vược không đòi hỏi quy trình quá phức tạp nhưng muốn đạt hiệu quả, người nuôi phải nắm chắc đặc tính sinh trưởng của cá và thường xuyên theo dõi các yếu tố môi trường. Khâu chọn giống, quản lý nguồn nước, mật độ thả và thời vụ nuôi có

ý nghĩa quyết định đến tỷ lệ sống cũng như năng suất. Thời điểm thích hợp để thả giống là từ tháng 3 đến tháng 7 hằng năm, khi độ mặn tương đối ổn định, ít mưa, thuận lợi cho cá sinh trưởng và hạn chế dịch bệnh. Thức ăn chủ yếu là cá tạp, tôm, cua nhỏ, phù hợp với nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương.

Cùng với kinh nghiệm chăm sóc, đầu tư hạ tầng lồng nuôi cũng được các hộ đặc biệt chú trọng. Người dân lựa chọn con giống từ những cơ sở sản xuất uy tín ở Nghệ An, sử dụng khung inox kết hợp lưới nhựa HDPE có độ bền cao, giúp lồng nuôi ổn định hơn trước tác động của sóng gió, giảm nguy cơ hư hỏng trong mùa mưa bão. Đây là yếu tố quan trọng để bảo đảm an toàn cho đàn cá, hạn chế thiệt hại và duy trì sản xuất lâu dài.

Không chỉ gia đình ông Dũng, nghề nuôi cá vược còn mang lại hiệu quả kinh tế cho nhiều hộ dân khác trong thôn. Gia đình ông Trần Văn Sử hiện duy trì 4 lồng nuôi, sản lượng khoảng 3 tấn cá thương phẩm mỗi năm, doanh thu gần 400 triệu đồng, lợi nhuận khoảng 200 triệu đồng.

Ông Sử cho biết: "Điều quan trọng nhất là người nuôi phải tuân thủ quy trình kỹ thuật, thường xuyên vệ sinh lồng, theo dõi chất lượng nguồn nước và chủ động phòng bệnh cho cá. Khi cá phát triển tốt, thương lái đến tận nơi thu mua nên người nuôi cũng yên tâm hơn về đầu ra."

Từ những hộ nuôi tiên phong, nghề nuôi cá vược lồng ở Đồng Phúc đang từng bước hình thành vùng sản xuất tập trung, khai thác hiệu quả lợi thế mặt nước cửa sông. Không chỉ tạo nguồn thu nhập khá, mô hình còn mở thêm hướng chuyển đổi sinh kế cho người dân ven biển, nhất là trong bối cảnh yêu cầu phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng nâng cao giá trị và thích ứng với điều kiện tự nhiên ngày càng được đặt ra.



Để đạt hiệu quả, người nuôi cá phải nắm chắc đặc tính sinh trưởng và thường xuyên theo dõi các yếu tố môi trường



Theo ông Hoàng Kim Túy, Trưởng phòng Kinh tế UBND xã Thiên Cầm, nuôi cá vược là một trong những mô hình phát huy hiệu quả lợi thế vùng nước lợ của địa phương, góp phần tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân. Thời gian tới, địa phương sẽ tiếp tục phối hợp với ngành chuyên môn hướng dẫn người dân ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, tăng cường liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, từng bước phát triển nghề nuôi theo hướng ổn định, bền vững.

Từ 2 lồng nuôi thử nghiệm ban đầu đến 30 lồng nuôi của các hộ dân trong thôn hôm nay, nghề nuôi cá vược ở cửa sông Nhượng cho thấy hiệu quả của việc lựa chọn đúng đối tượng nuôi và khai thác phù hợp lợi thế tự nhiên. Nếu tiếp tục được hỗ trợ về kỹ thuật, tổ chức sản xuất và kết nối thị trường, mô hình sẽ có thêm điều kiện phát triển, góp phần nâng cao giá trị kinh tế thủy sản và tạo sinh kế lâu dài cho người dân vùng ven biển Hà Tĩnh.

ÁNH NGUYỆT
Trung tâm Khuyến nông Hà Tĩnh

Các biện pháp giảm phát thải TRONG CANH TÁC LÚA

1. Biện pháp quản lý nước

a. Quản lý nước trước vụ lúa

Phát thải CH_4 (khí metan) ở các chế độ nước trước vụ trồng lúa

Chế độ nước trước vụ	Phát thải
Ngập liên tục trên 30 ngày trước khi làm đất	E*2,41
Không ngập dưới 180 ngày trước khi làm đất	E*1,00
Không ngập trên 180 ngày trước khi làm đất	E*0,89
Không ngập trên 360 ngày trước khi làm đất	E*0,59

E: Phát thải CH_4 cơ sở, là phát thải của ruộng lúa ở chế độ ngập thường xuyên và không bón chất hữu cơ. (Nguồn: Ủy ban Liên chính phủ về Biến đổi khí hậu (IPCC- (2019)).

Như vậy, đất lúa càng được để khô lâu trước khi làm đất thì phát thải CH_4 càng nhỏ, ngược lại nếu ruộng bị ngập nước càng lâu thì phát thải CH_4 càng lớn. Ví dụ trường hợp ngập liên tục trên 30 ngày có phát thải KNK gấp 2,41 lần so với phát thải cơ sở. Vì thế trong thời kì nghỉ giữa 2 vụ lúa thì đất nên được để khô càng lâu càng tốt, vừa giảm phát thải KNK vừa tạo môi trường hảo khí, tiêu diệt các mầm bệnh và sinh vật cũng như các chất gây hại.

b. Quản lý nước trong vụ lúa

Phát thải CH_4 ở các chế độ nước trong vụ trồng lúa

Chế độ nước trong vụ	Hệ số điều chỉnh
Ngập thường xuyên	E * 1,00
Rút nước 1 lần	E * 0,71
Tưới khô - ướt xen kẽ (AWD)	E * 0,55

Nguồn: IPCC (2019).



Mô hình canh tác lúa chất lượng cao giảm phát thải ở An Giang

Với các chế độ nước khác nhau như rút nước phơi ruộng 1 lần giảm 29% và rút nước phơi ruộng nhiều lần (ngập khô xen kẽ - AWD) giảm 45% lượng phát thải CH_4 so với canh tác truyền thống là ngập thường xuyên. Vì vậy, tưới khô ướt xen kẽ đang là một trong những biện pháp giảm phát thải tiềm năng cao và được rất nhiều nước, địa phương, doanh nghiệp và người dân lựa chọn ưu tiên triển khai rộng rãi, đặc biệt là các dự án tại tín chỉ carbon.

Để quản lý nước đạt được mức giảm phát thải tối ưu là 45% thì mức nước trong ruộng phải xuống đạt độ sâu ít nhất 10 cm dưới mặt đất và không sâu quá 15 cm dưới mặt đất, vì sâu quá thì cây lúa sẽ hút nước khó hơn, ảnh hưởng đến quá trình bốc thoát của lúa. Hơn nữa đất cũng bị nứt to hơn gây đứt rễ lúa, có thể giảm năng suất lúa. Ở mức nước nông hơn 10 cm dưới mặt đất thì việc xác định lượng giảm phát thải phải được chứng minh bằng phương pháp so sánh kết quả đo trực tiếp.

2. Biện pháp quản lý phân đạm

Một trong những nguyên nhân chính của nguồn phát thải N_2O là phát thải do bón phân đạm. Lúa được bón càng nhiều đạm thì phát thải N_2O càng cao. Hiện nay đã có một số sản phẩm phân đạm tiên tiến, thế hệ mới, phân đạm chậm tan, phân đạm phân giải chậm có hệ số phát thải nhỏ hơn. Việc thay thế phân đạm thường bằng các loại kể trên là cần thiết vừa để giảm phát thải KNK vừa tăng hiệu quả sử dụng đạm. Tuy nhiên, cần bón theo nguyên tắc 4 đúng: đúng loại, đúng lượng, đúng thời điểm và đúng phương pháp.

3. Biện pháp quản lý rơm rạ và bổ sung chất hữu cơ

a. Vùi rơm rạ và phát thải khí mê - tan

Sau thu hoạch mỗi vụ lúa, lượng rơm rạ phát sinh là rất lớn với sản lượng bằng hoặc lớn hơn sản lượng thóc. Nếu lượng rơm rạ này bị đốt sẽ phát thải ra một lượng CO_2, CH_4 và N_2O cùng với rất nhiều bụi mịn và các - bon đen, là các yếu tố gây ô nhiễm môi trường không khí và sức khoẻ con người. Nhưng nếu vùi rơm rạ tươi vào đất ở dạng yếm khí trước khi gieo trồng thì rơm rạ sẽ bị phân huỷ yếm khí và sinh ra một lượng CH_4 lớn hơn nhiều so với ruộng lúa cơ sở không vùi rơm rạ mặc dù rơm rạ được vùi cũng phân huỷ và cung cấp cho đất một lượng hữu cơ lớn làm tăng độ phì nhiêu đất cùng một lượng các chất dinh dưỡng trong rơm rạ như C, N, P, K, Ca, Mg, Si, Zn...

Các chế độ bón hữu cơ, bao gồm vùi rơm rạ cho đất lúa

Biện pháp	Hệ số điều chỉnh
Vùi rơm rạ < 30 ngày	E * 1,00
Vùi rơm rạ > 30 ngày	E * 0,19
Phân xanh	E * 0,45
Phân chuồng	E * 0,21
Phân compost	E * 0,17

Nguồn: IPCC (2019).

Nếu rơm rạ được thu gom, ủ thành phân compost rồi bón trở lại ruộng lúa, lượng phát thải CH_4 có thể giảm tới 83% so với phương pháp vùi rơm rạ tươi trong thời gian ngắn (dưới 30 ngày). Trường hợp không có điều kiện thu gom hoặc công nghệ xử lý, người dân nên vùi rơm rạ trước khi gieo cấy trên 30 ngày. Đối với các vật liệu hữu cơ khác như phân chuồng, phân xanh, hệ số phát thải cũng thấp hơn so với rơm rạ.

Việc vùi rơm rạ tươi khi thời gian nghỉ giữa hai vụ lúa chưa đủ 30 ngày không chỉ làm gia tăng phát thải CH_4 mà còn có thể gây ngộ độc rễ do khí H_2S sinh ra trong quá trình phân hủy yếm khí. Tình trạng này đặc biệt bất lợi đối với lúa mới cấy, mới gieo, cây còn non hoặc chưa bén rễ, hồi xanh. Bên cạnh đó, trong khoảng 30 ngày đầu, vi sinh vật yếm khí sinh mê-tan phát triển mạnh, cần hấp thu lượng lớn dinh dưỡng từ đất để tăng sinh khối, dẫn đến cạnh tranh dinh dưỡng với cây lúa.

b. Sử dụng hiệu quả rơm rạ

Thu gom rơm để sản xuất nấm rơm. Sau khi thu hoạch nấm rơm, toàn bộ chất thải từ trồng nấm được thu gom và ủ chế phẩm sinh học để thành phân compost bón cho ruộng lúa. Trường hợp không trồng nấm rơm thì thu gom toàn bộ rơm rạ ủ compost để sản xuất phân hữu cơ hoặc vùi rơm rạ trong đất ẩm, hảo khí, thời gian vùi trên 30 ngày để tránh gia tăng phát thải và ngộ độc rễ lúa.

Thu gom rơm rạ sản xuất than sinh học (TSH) bón cho ruộng lúa, vừa cải tạo độ chua đất, bổ sung và tăng tích lũy các - bon trong đất, nâng cao độ phì và sức khỏe đất và tăng năng suất cây trồng. Than sinh học được coi là một loại carbon bền, có tốc độ phân giải rất chậm, tính kiềm (pH = 9 - 10) nên có khả năng cải tạo đất chua rất tốt, có khả năng giữ nước và dinh dưỡng cho cây trồng đến cuối vụ.



VIỆN LÚA ĐBSCL

Giải pháp kỹ thuật

NÂNG CAO SỨC CHỐNG CHỊU VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CHO CÀ PHÊ, HỒ TIÊU VÀ SẦU RIÊNG

Biến đổi khí hậu đang ảnh hưởng trực tiếp đến sinh trưởng, phát triển và năng suất các cây trồng chủ lực tại Tây Nguyên, đặc biệt là cà phê, hồ tiêu và sầu riêng. Bên cạnh những tác động bất lợi của thời tiết, tình trạng suy thoái đất, mất cân đối dinh dưỡng và suy giảm hệ vi sinh vật có lợi cũng làm giảm sức chống chịu của cây trồng, gia tăng nguy cơ sâu bệnh. Trước thực trạng đó, cần chuyển từ phương thức canh tác phụ thuộc nhiều vào vật tư đầu vào sang quản lý tổng hợp hệ sinh thái vườn cây, chú trọng sức khỏe đất, bộ rễ, nguồn nước và dinh dưỡng.



Chăm sóc đúng kỹ thuật giúp hồ tiêu nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu

1. Chọn tạo giống, sử dụng giống mới

Nghiên cứu, chọn tạo các giống cây trồng chủ lực có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Ưu tiên tuyển chọn và sử dụng các giống cà phê, hồ tiêu, sầu riêng có khả năng chịu hạn, kháng nấm bệnh và tuyến trùng. Đối với cà phê, sử dụng các giống đã được công nhận như TRS1, TR4, TR9, TR11, xanh lùn...; đối với hồ tiêu, có thể sử dụng dòng DP6.

2. Kỹ thuật canh tác

Xây dựng hệ sinh thái vườn cây bền vững, từng bước chuyển từ phương thức độc canh, thâm canh cao sang mô hình nông lâm kết hợp, canh tác sinh thái đa tầng và trồng xen hợp lý với mật độ cây che bóng phù hợp. Không nên làm sạch cỏ hoàn toàn bằng hóa chất diệt cỏ hoặc để đất trồng lộ thiên; cần quản lý thảm cỏ có chủ đích nhằm tạo lớp phủ sinh học, bảo vệ đất và duy trì độ ẩm.

Việc quản lý vườn cây cần thực hiện đồng bộ theo hệ thống "đất - rễ - nước - dinh dưỡng - tán cây - dịch hại". Các biện pháp kỹ thuật cần được triển khai chủ động theo ba giai đoạn: phòng ngừa trước khi xảy ra bất lợi, xử lý trong thời gian cây chịu tác động và phục hồi sau bất lợi.

Tiếp tục đổi mới, ứng dụng công nghệ số và công nghệ IoT trong quản lý nước tưới, phân bón nhằm bảo vệ sức khỏe đất, cây trồng.

Đầu tư nghiên cứu, đánh giá khả năng ứng dụng các nguồn năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời phục vụ nhu cầu tưới tiêu cho cây trồng chủ lực, góp phần giảm chi phí sản xuất và phát triển nông nghiệp bền vững.

Đối với những vùng thiếu nước tưới, cần chủ động chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đồng thời xây dựng các giải pháp tạo nguồn và tích trữ nước.

a. Giải pháp quản lý vườn cây khi mưa lớn, mưa kéo dài

Khi xảy ra mưa lớn, mưa kéo dài, cần ưu tiên thực hiện theo trình tự: thoát nước, bảo vệ bộ rễ, hạn chế nguồn bệnh, ổn định đất và phục hồi dinh dưỡng.

- Thoát nước, bảo vệ bộ rễ: Đây là biện pháp cần ưu tiên hàng đầu. Chủ động kiểm tra, khơi thông hệ thống mương chính, mương nhánh để thoát nước nhanh, không để xảy ra tình trạng ngập úng hoặc đọng nước cục bộ quanh vùng rễ và cổ rễ cây trồng. Đối với những khu vực có cây bị bệnh, cần cách ly dòng nước thoát ra bằng các rãnh riêng, không để nước chảy tràn sang khu vực cây khỏe mạnh.

- Điều chỉnh chế độ bón phân: Không bón phân khi đất đang trong trạng thái bão hòa nước. Cụ thể:

+ Đối với cây cà phê: Tạm ngừng bón phân đạm và các loại phân có nồng độ muối cao để tránh gây tổn thương, cháy rễ non. Chỉ bón phân trở lại khi đất đã ráo nước, xuất hiện đầu rễ non mới và cây có dấu hiệu phục hồi sinh lý. Lượng phân cần chia nhỏ, bón thành nhiều lần để tăng hiệu quả hấp thu.

+ Đối với cây hồ tiêu: Ưu tiên thoát nước, kiểm tra cổ rễ và vùng rễ; kịp thời cô lập các trụ tiêu bị bệnh, thu gom bộ phận nhiễm bệnh. Chỉ sử dụng chế phẩm sinh học hoặc thuốc bảo vệ thực vật được phép khi đã xác định đúng tác nhân gây bệnh. Sau khi đất ổn định, cần bổ sung phân hữu cơ hoai mục, cải thiện pH và cân đối dinh dưỡng theo kết quả phân tích đất.

+ Đối với cây sầu riêng: Thoát nước nhanh khỏi khu vực dưới tán, không để nước đọng quanh cổ rễ; tạm ngừng tưới và bón phân qua gốc. Thường xuyên kiểm tra, phát hiện sớm các triệu chứng thối rễ, xì mủ; loại bỏ vật liệu nhiễm bệnh và có biện pháp xử lý kịp thời đối với cây bị bệnh.



Cán bộ kỹ thuật hướng dẫn bà con chăm sóc vườn cà phê

b. Giải pháp quản lý vườn cây khi hạn hán, nắng nóng kéo dài

- Quản lý thảm phủ và cây che bóng

Duy trì lớp thảm phủ sinh học bằng tàn dư thực vật che phủ mặt đất ở khu vực giữa các hàng cây và xung quanh gốc. Đối với thảm cỏ tự nhiên, nên duy trì cỏ giữa hai hàng cây trồng chính, định kỳ cắt khi cỏ đạt chiều cao trung bình khoảng 40 cm; chú ý để lại phần gốc cỏ cao 5 - 10 cm nhằm bảo vệ kết cấu đất, giảm nhiệt độ bề mặt và hạn chế bốc thoát hơi nước.

Đối với cây trồng trong giai đoạn kiến thiết cơ bản, cần kết hợp che phủ trên hàng và tủ gốc; riêng hồ tiêu có thể sử dụng lưới che trên hàng để hạn chế bốc hơi nước.

Quản lý cây che bóng, cây trồng xen với mật độ phù hợp nhằm điều hòa tiểu khí hậu trong vườn. Đồng thời, xây dựng hệ thống hàng rào, vùng đệm sinh học bằng cây gỗ bản địa, cây bụi để chắn gió khô nóng, giảm bốc hơi nước trên bề mặt đất và cây trồng chính.

- Quản lý nguồn nước và độ ẩm đất trong mùa khô

Chủ động tích trữ nước trong mùa mưa để phục vụ tưới trong mùa khô. Có thể xây dựng hồ chứa nhân tạo bằng bạt chống thấm hoặc nạo vét các hồ tự nhiên nhằm tăng khả năng trữ nước.

Khuyến khích áp dụng các phương pháp tưới tiết kiệm, thường xuyên theo dõi độ ẩm đất để xác định thời điểm và lượng nước tưới phù hợp với nhu cầu sinh lý của từng loại cây trồng trong mùa khô và các đợt hạn ngắn. Chú ý kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống tưới định kỳ để sử dụng hiệu quả nguồn nước. ☞

☞ Trong thời gian hạn hán, cần ưu tiên nước tưới cho cây ở các giai đoạn ra hoa, đậu quả và nuôi quả; thực hiện tưới vào thời điểm có mức bốc hơi thấp.

+ Đối với cây cà phê và hồ tiêu: Điều chỉnh lượng nước tưới phù hợp với loại đất, tuổi cây, mật độ trồng, phương thức tưới, độ ẩm đất và lượng mưa trước đó.

+ Đối với cây sầu riêng: Duy trì độ ẩm đất ổn định, tránh để cây bị sốc nước. Cần chia nhỏ lượng nước tưới, tăng số lần tưới với chu kỳ ngắn, hạn chế tình trạng biến động độ ẩm đột ngột theo chu kỳ "quá khô - quá ướt".

Sau thời gian hạn hán, không tưới lượng nước quá lớn ngay trong lần đầu mà cần phục hồi độ ẩm đất từng bước bằng phương pháp tưới mồi. Đồng thời, kiểm tra tình trạng bộ rễ, cành khô và tỷ lệ rụng quả; chỉ tăng dần lượng dinh dưỡng khi bộ rễ đã hoạt động trở lại bình thường.

- Quản lý dinh dưỡng cân đối, nâng cao sức khỏe đất

Thực hiện bón phân dựa trên kết quả phân tích các chỉ tiêu hóa tính của đất. Điều chỉnh lượng phân và công thức bón phù hợp với tình trạng sinh trưởng của cây, độ ẩm đất và điều kiện thời tiết.

+ Bổ sung phân hữu cơ: Tăng cường sử dụng phân hữu cơ hoai mục, kết hợp với nấm đối kháng; có thể bổ sung phân hữu cơ kết hợp than sinh học (biochar) nhằm cải thiện cấu trúc đất, tăng khả năng giữ nước và dinh dưỡng.

+ Sử dụng phân vô cơ: Không bón phân hóa học khi đất quá khô hoặc bộ rễ đang bị tổn thương do hạn hán; hạn chế xới xáo sâu làm ảnh hưởng đến bộ rễ. Tối ưu hóa lượng phân bón bằng cách giảm 10 - 30% lượng phân vô cơ, đặc biệt là phân đạm (N), thay thế bằng các loại phân hữu cơ vi sinh, phân hữu cơ khoáng giàu humic. Giải pháp này vừa góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất, vừa giảm phát thải khí nhà kính CO_2.



Bón phân đúng cách giúp nâng cao sức khỏe đất

+ Cải thiện pH đất: Bón vôi định kỳ theo kết quả phân tích đất nhằm giảm độ chua, cải thiện điều kiện sinh trưởng của cây trồng.

+ Phát triển hệ vi sinh vật có lợi vùng rễ: Tạo điều kiện thuận lợi cho các vi sinh vật có ích và vi sinh vật đối kháng với nấm bệnh vùng rễ phát triển. Định kỳ bổ sung các chế phẩm sinh học có chứa vi sinh vật đối kháng như Trichoderma spp., Bacillus spp. nhằm hỗ trợ ức chế nấm bệnh, tuyến trùng và phục hồi chức năng bộ rễ.

- Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) và kiểm soát dư lượng

Thực hiện quản lý dịch hại tổng hợp trên cơ sở theo dõi thường xuyên diễn biến thời tiết, độ ẩm đất, tình trạng bộ rễ và sức khỏe cây trồng. Quy trình quản lý cần được thực hiện đồng bộ theo trình tự: theo dõi thời tiết → theo dõi độ ẩm đất → kiểm tra sức khỏe bộ rễ → quản lý nước tưới và tiêu nước → quản lý dinh dưỡng → quản lý tạo hình, tỉa tán → quản lý dịch hại → đánh giá khả năng phục hồi.

Cách tiếp cận này giúp chuyển từ tư duy xử lý khi cây đã suy yếu sang chủ động xây dựng đất khỏe, rễ khỏe, vườn cây có khả năng chống chịu tốt.

3. Dự báo, theo dõi diễn biến khí hậu, thời tiết để chủ động ứng phó

Các cơ quan chuyên môn cần phối hợp chặt chẽ trong xây dựng và cung cấp hệ thống cảnh báo sớm, các bản tin thời tiết nông vụ chuyên sâu về tình hình khô hạn, mưa cực đoan cho người dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và ứng dụng số.

Các nhà vườn cần nâng cao kỹ năng theo dõi các chỉ số thời tiết tại địa phương, ghi chép nhật ký chăm sóc và thường xuyên kiểm tra độ ẩm đất để chủ động xây dựng phương án ứng phó phù hợp.

Sử dụng vi sinh hữu ích TRONG THỨC ĂN CHĂN NUÔI



Có thể sử dụng các chế phẩm vi sinh hữu ích giúp vật nuôi sinh trưởng, phát triển tốt hơn

Hiện nay, việc lạm dụng kháng sinh trong chăn nuôi đang được cảnh báo, vì nó gây tồn dư kháng sinh trong sản phẩm chăn nuôi, gây nguy hại cho sức khỏe người tiêu dùng đồng thời còn gây hiện tượng kháng kháng sinh của vi sinh vật gây bệnh, ảnh hưởng đến cả cộng đồng.

Để hạn chế sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi, bên cạnh việc người chăn nuôi đảm bảo vệ sinh thú y phòng bệnh hay chăn nuôi an toàn sinh học, thực hiện nghiêm túc lịch dùng vắc-xin phòng bệnh, thì còn có thể sử dụng các chế phẩm vi sinh hữu ích bổ sung vào thức ăn chăn nuôi nhằm mục đích tăng khả năng miễn dịch, giảm tỷ lệ mắc bệnh, cải thiện quá trình tiêu hóa và hấp thu chất dinh dưỡng từ đó vật nuôi sinh trưởng, phát triển tốt hơn.

Các chế phẩm vi sinh hữu ích có nhiều loại, có loại có các lợi khuẩn, cũng có loại có cả lợi khuẩn và men tiêu hóa.

Đã có nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước đã chứng minh, khi bổ sung chế phẩm vi sinh hữu ích cho vật nuôi theo đường tiêu hóa, sẽ làm giảm vi sinh vật có hại trong đường tiêu hóa từ đó làm giảm các bệnh đường ruột; phát triển lông nhung ở niêm mạc ruột, làm tăng quá trình chuyển hóa thức ăn, tăng quá trình hấp thu dinh dưỡng do đó tăng hiệu quả sử dụng thức ăn,tăng năng suất và hiệu quả chăn nuôi. Đồng thời việc bổ sung này còn góp phần giảm ô nhiễm môi trường do vật nuôi khỏe mạnh, ít dịch bệnh, dinh dưỡng được hấp thu triệt để nên chất thải của vật nuôi cũng giảm.

Tuy nhiên nếu tự trộn vi sinh hữu ích vào thức ăn, người chăn nuôi cần đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng và lưu ý những vấn đề sau:

Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình tiêm phòng Vắc-xin phòng bệnh trong chăn nuôi



- Bổ sung vi sinh hữu ích vào thức ăn cho vật nuôi trong những lúc thời tiết bất lợi, sau khi điều trị bệnh bằng kháng sinh hoặc trước và sau khi dùng vắc-xin phòng bệnh, chuyển chuồng nuôi.

- Thức ăn trộn vi sinh không có chứa kháng sinh.

- Trộn đều vi sinh hữu ích vào thức ăn, sau khi trộn cho vật nuôi ăn hết trong 1 ngày, không để thức ăn dưới ánh nắng trực tiếp.

- Trong quá trình điều trị bệnh bằng kháng sinh thì tạm ngưng bổ sung vi sinh hữu ích vào thức ăn.

- Nếu pha vào nước uống, thời gian cho vật nuôi uống càng ngắn càng tốt vì trong môi trường nước thông thường không có lợi cho lợi khuẩn duy trì và phát triển. Nguồn nước uống phải sạch, không để trực tiếp dưới ánh nắng.

- Không pha chung vi sinh vật hữu ích với kháng sinh trong nước uống của vật nuôi.

TT KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA

Những lưu ý KHI TÁI ĐÀN VẬT NUÔI

1 CHUỒNG TRẠI

Chuẩn bị tốt điều kiện về chuồng trại trước khi nhập đàn. Thiết kế, bố trí chuồng trại và trang thiết bị chăn nuôi đảm bảo an toàn sinh học. Bố trí cổng ra vào trại chăn nuôi, có hàng rào xung quanh khu vực chăn nuôi. Kiểm soát chặt chẽ người và động vật ra vào khu vực chăn nuôi. Có lưới bao xung quanh chuồng nuôi và biện pháp khác ngăn chặn côn trùng và vật chủ trung gian khác truyền bệnh (chuột, chim, ruồi, muỗi...).

Thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh, sát trùng, tiêu độc, phòng bệnh. Tại cổng và tại lối ra vào mỗi dãy chuồng nuôi phải bố trí hố khử trùng, thay bảo hộ lao động cho người ra, vào khu vực chăn nuôi. Nên có ô chuồng nuôi cách ly vật nuôi mới nhập hoặc vật nuôi bị bệnh. Đối với chăn nuôi heo, nếu có điều kiện thì nuôi theo phương pháp cách ô (mỗi ô chuồng có khoảng trống 0,8 - 1m) để giảm thiểu heo giữa các ô chuồng tiếp xúc với nhau. Có khu vực thu gom và xử lý chất thải. Có máng ăn riêng từng ô chuồng; không sử dụng chung dụng cụ chăn nuôi giữa các dãy chuồng và tốt nhất là riêng biệt giữa các ô chuồng.



Trước khi tái đàn, cần thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh, sát trùng, tiêu độc chuồng và khu vực chăn nuôi

Nên để trống chuồng (khoảng 5 - 10 ngày) nếu là gia súc, gia cầm đến kỳ xuất bán, khoảng 1 - 2 tuần nếu không may vật nuôi bị dịch bệnh phải tiêu hủy.

Đường thoát nước thải từ chuồng nuôi đến khu xử lý chất thải đảm bảo kín. Nước thải ô chuồng nào thoát riêng ô chuồng đó ra đường thoát nước chung.

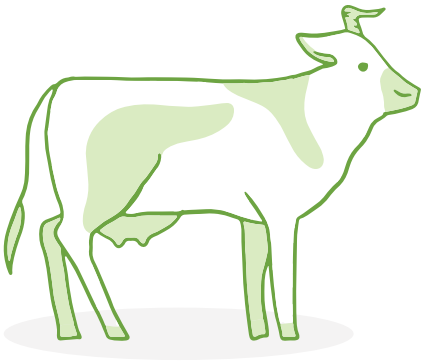
2 CON GIỐNG

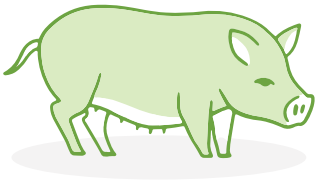
Đảm bảo vật nuôi được nhập từ cơ sở có nguồn gốc rõ ràng, các cơ sở chăn nuôi uy tín có thương hiệu, đặc biệt các cơ sở đã được công nhận về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh để đàn vật nuôi có chất lượng.

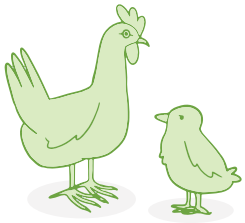
Giống vật nuôi phải khỏe mạnh, đã được tiêm phòng đầy đủ các loại vắc - xin theo đúng độ tuổi. Vật nuôi nhập từ ngoài tỉnh phải có giấy kiểm dịch. Trước khi nhập đàn, nuôi cách ly ít nhất 2 tuần. Tiêm phòng đầy đủ các loại vắc - xin cho vật nuôi định kỳ và theo đúng lứa tuổi.



Lựa chọn con giống khỏe mạnh, rõ nguồn gốc là yếu tố tiên quyết khi tái đàn







3 THỨC ĂN, NƯỚC UỐNG

Đảm bảo chế độ chăm sóc nuôi dưỡng, có thông tin tốt về điều kiện từ nơi sản xuất, nơi nhập đàn để có chế độ chăm sóc phù hợp, cho gia súc, gia cầm tập làm quen dần với môi trường sống mới, môi trường ăn uống tại cơ sở mới.

Sử dụng thức ăn có nguồn gốc rõ ràng, không bị hỏng, mốc và còn hạn sử dụng, đảm bảo chất lượng và an toàn. Trường hợp sử dụng thức ăn tận dụng phải được xử lý nhiệt trước khi cho ăn.

Cho vật nuôi ăn đảm bảo dinh dưỡng, đủ khẩu phần, đặc biệt thức ăn có đủ độ đạm. Nguồn nước dùng cho chăn nuôi phải đảm bảo an toàn: nước máy, nước giếng khoan đã qua hệ thống lọc và khử khuẩn; không dùng trực tiếp nước từ các nguồn ao, hồ, kênh, mương... chưa qua xử lý.

Thường xuyên xử lý, diệt khuẩn nguồn nước uống và nước dùng trong chăn nuôi bằng các loại hóa chất Chloramin B, Iodine... theo liều lượng khuyến cáo của nhà sản xuất. Ưu tiên sử dụng chế phẩm sinh học, axit hữu cơ, thảo dược, thường xuyên trộn thức ăn, nước uống để tăng khả năng tiêu hóa, tăng sức đề kháng, phòng trị bệnh cho vật nuôi.

4 CHĂM SÓC

Áp dụng phương thức quản lý "cùng vào - cùng ra". Có quy trình chăn nuôi phù hợp với từng loại vật nuôi theo các giai đoạn sinh trưởng, phát triển.

Hạn chế tối đa người ngoài ra, vào khu vực chuồng nuôi. Trước và sau khi vào, ra khu chăn nuôi phải thay bảo hộ lao động, sát trùng tay, nhúng ủng hoặc giầy, dép vào hố khử trùng.

Định kỳ phun thuốc sát trùng xung quanh khu chăn nuôi ít nhất 1 lần/tuần khi không có dịch bệnh, và ít nhất 2 lần/tuần khi có dịch bệnh bằng các dung dịch sát trùng thích hợp theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Thường xuyên phát quang bụi rậm, khơi thông và vệ sinh cống rãnh ngoài chuồng nuôi ít nhất 2 lần/tháng.

Chất thải phải được thu gom hàng ngày, chuyển đến nơi tập trung và xử lý bằng nhiệt, hoặc bằng hóa chất, hoặc xử lý bằng sinh học phù hợp. Chất thải rắn trước khi đưa ra ngoài phải được xử lý đảm bảo vệ sinh theo quy định hiện hành của thú y. Các chất thải lỏng phải được dẫn trực tiếp từ các chuồng nuôi đến khu xử lý bằng đường thoát riêng. Chất thải lỏng phải được xử lý bằng hóa chất hoặc bằng phương pháp xử lý sinh học phù hợp.

BỆNH DO VI KHUẨN GÂY RA TRÊN CÁ NUÔI LỒNG VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG, TRỊ

1. Bệnh do vi khuẩn Aeromonas spp trên cá nuôi lồng

- Tác nhân gây bệnh: Vi khuẩn *Aeromonas* spp.

- Đối tượng nhiễm bệnh: Tất cả các loài cá nuôi nước ngọt, cá nhiễm bệnh ở tất cả các giai đoạn phát triển của cá.

- Dấu hiệu bệnh:

Cá ăn ít, trên thân xuất hiện các đốm đỏ to nhỏ khác nhau, các điểm đốm đỏ sẽ phát triển lớn thành các vết loét. Hai bên thân cá, nhất là vùng bụng bị xuất huyết, ứ máu đỏ bầm, vảy dựng lên, Vây bị xơ rách, cụt, gốc vây xuất huyết, hậu môn viêm đỏ có dịch chảy ra. Khi giải phẫu nhận thấy: gan thận có biểu hiện nhũn mềm, có màu sậm đen, xuất huyết, hoại tử, ruột không có thức ăn chứa đầy hơi, hoại tử có mùi tanh đặc trưng.

- Mùa vụ xuất hiện bệnh: Bệnh xuất hiện quanh năm, xảy ra nhiều nhất vào các tháng giao mùa.

- Phương pháp chẩn đoán: Nuôi cấy và phân lập vi khuẩn

- Biện pháp phòng, trị bệnh:

+ Áp dụng biện pháp phòng bệnh tổng hợp

+ Khi cá bị bệnh do vi khuẩn *Aeromonas* spp. biện pháp trị bệnh hiệu quả nhất là dùng kháng sinh nhưng với điều kiện cá vừa chớm bị bệnh chưa bỏ ăn, nếu cá đã chết nhiều thì việc trị bệnh hiệu quả không cao.

Trộn thuốc vào thức ăn (nếu cá vẫn còn sử dụng thức ăn) với liều lượng: Doxycycline 5-7 gam/100 kg cá/ ngày hoặc Florphenicol liều lượng 4-5 gam/100 kg cá/ngày ăn liên tục 7-10 ngày kết hợp cho ăn thêm Vitamin C 1 - 2 g cho 100 kg cá bệnh/ngày, ăn liên tục 5 ngày.

Chú ý: Khi sử dụng kháng sinh, để đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng thì phải dừng cho cá ăn kháng sinh sau 20 ngày mới được thu hoạch.

2. Bệnh do vi khuẩn *Streptococcus* spp.

- Tác nhân gây bệnh: Vi khuẩn *Streptococcus* spp.

- Đối tượng nhiễm bệnh: Hầu hết các loài cá nuôi nước ngọt, phổ biến nhất là trên cá rô phi và cá điêu hồng

- Dấu hiệu bệnh: Cá bơi lờ đờ, kém ăn hay bỏ ăn, mắt cá lồi, bơi không định hướng. Giải phẫu cá bị bệnh thấy hiện tượng tích khí ở ruột, ruột không chứa thức ăn, ruột xuất huyết,



Cá lăng vàng và cá chiên bị bệnh do vi khuẩn Aeromonas spp



gan tụ máu, ngoài ra hiện tượng xuất huyết dưới da bụng cũng đã được ghi nhận.

- Mùa vụ xuất hiện bệnh: Giao mùa giữa mùa hè và mùa thu và các đợt biến động thời tiết nắng to, nhiệt độ cao. Bệnh thường xảy ra và gây chết cá với tỷ lệ chết cao vào các tháng 5 - 9 hàng năm.

- Biện pháp phòng, trị bệnh:

+ Áp dụng biện pháp phòng bệnh tổng hợp.

+ Trị bệnh: Dùng Flophenicol hoặc Doxycycline hoặc Amoxicillin trộn vào



Gan cá lăng đen bị đốm trắng do nhiễm vi khuẩn E. ictaluri

thức ăn cho ăn trong 7 ngày với liều lượng 5 - 7 gam/100 kg cá/ngày, ăn liên tục 5 - 7 ngày, kết hợp cho ăn thêm Vitamin C với liều lượng 2 - 3 gam/100 kg cá/ngày.

Chú ý: Khi sử dụng kháng sinh, để đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng thì phải dừng cho cá ăn kháng sinh tối thiểu 20 ngày trước khi thu hoạch.

3. Bệnh gan mủ thận trên cá da trơn

- Tác nhân gây bệnh: Vi khuẩn *Edwardsiella tarda, E. ictaluri*

Vi khuẩn *Edwardsiella* là vi khuẩn gram âm, hình que mảnh, kích thước 1 x 2-3 µm, không sinh bào tử, chuyển động nhờ vành tiêm mao. Trong nuôi nước ngọt thường gặp hai loài: *E. tarda* và *E. ictaluri*.

- Đối tượng nhiễm bệnh: Hầu hết các loài cá nước ngọt, thường gặp nhất ở các loài cá da trơn như cá lăng, cá nheo, cá trê.

- Dấu hiệu bệnh:

+ Xuất hiện những vết thương nhỏ trên da (phía mặt lưng), đường kính khoảng 3-5mm, những vết thương này sẽ phát triển thành những khối u rỗng bên trong cơ, da bị mất sắc tố, vây đuôi tưa rách.

+ Cá mắc bệnh sẽ mất chức năng vận động do vây đuôi bị tưa rách. Có thể xuất hiện những vết thương bên dưới biểu bì, cơ, các vết thương này bị hoại tử và lây lan rộng sang vùng lân cận.

+ Vi khuẩn *E. ictaluri* là tác nhân gây bệnh mủ gan cá tra, cá lăng, cá nheo, cá trê... Đây là bệnh nguy hiểm gây chết cá hàng loạt và rất khó điều trị. Giai đoạn gây hại nặng nhất từ cá hương lên giống và từ giống đến dưới 600 g/con. Khi cá nhiễm bệnh, trên gan, thận cá xuất hiện các đốm mủ màu trắng lấm tấm.

- Mùa vụ xuất hiện bệnh: Xuất hiện vào đợt thời tiết biến động nắng mưa.

- Phương pháp chẩn đoán: Nuôi cấy và phân lập vi khuẩn.

- Biện pháp phòng, trị bệnh:

** Phòng bệnh:*

+ Chọn con giống khỏe mạnh, không nhiễm bệnh.

+ Sát trùng các dụng cụ như lưới, vợt, sọt, ống dây bằng Chlorine 10-15g/m^3 trong 30 phút, rửa nước sạch và phơi khô sau khi sử dụng.

+ Cá chết được vớt ra khỏi lồng càng sớm càng tốt. Không vứt cá chết bừa bãi ra sông, trên mặt đất, cần được chôn vào hố cách ly có rải vôi bột để tiệt trùng.

+ Vào mùa dịch bệnh không nên cho cá ăn cá tạp tươi sống. Thức ăn cần được nấu chín hoặc sử dụng thức ăn viên.

** Trị bệnh:*

+ Cá nhiễm vi khuẩn *Edwardsiella* sp dùng kháng sinh: Florphenicol hoặc Doxycycline liều lượng 3-5 gam/100kg cá/ngày, cho ăn liên tục 7 ngày. Có thể bổ sung thêm Vitamin C để tăng cường sức đề kháng cho cá với liều lượng 2-3 gam/100 kg cá/ngày, ăn liên tục 5 ngày. Thuốc được trộn vào thức ăn viên có áo dầu hoặc chất kết dính.



Hoàn tất đơn hàng 300.000 liều vắc-xin ASF XUẤT KHẨU SANG PHILIPPINES







Công ty Cổ phần AVAC Việt Nam vừa xuất khẩu 100.000 liều vắc -xin dịch tả lợn châu Phi (AVAC ASF LIVE) sang Philippines cho đối tác KPP Power Commodities Inc., qua đó hoàn tất đơn hàng 300.000 liều sau khi vắc-xin được nước này chính thức cấp phép lưu hành thương mại.

Toàn bộ đơn hàng 300.000 liều này đã được phân chia và vận chuyển theo các quy trình kiểm soát nghiêm ngặt qua từng chuyến hàng. Lô thứ nhất gồm 50.000 liều quy cách 10 liều mỗi lọ được xuất đi vào chiều ngày 26/9. Lô thứ hai gồm 50.000 liều quy cách 50 liều mỗi lọ xuất đi chiều ngày 29/9. Lô thứ ba với 100.000 liều quy cách 50 liều mỗi lọ rời nhà máy vào chiều ngày 4/10, và lô cuối cùng gồm 100.000 liều quy cách 10 liều mỗi lọ được hoàn tất xuất khẩu vào chiều ngày 10/10.

TS. Nguyễn Văn Điệp, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần AVAC Việt Nam cho biết, đây là đơn hàng thương mại đầu tiên được xuất khẩu sau khi vắc-xin được Philippines cấp phép lưu hành tự do. Dự kiến trong tuần tới, Bộ Nông nghiệp Philippines sẽ ban hành hướng dẫn sử dụng, tạo cơ sở để vắc-xin được phân phối và sử dụng rộng rãi hơn tại thị trường này.

Tính đến nay, tổng số vắc-xin AVAC ASF LIVE xuất khẩu sang Philippines đạt khoảng 1,3 triệu liều. Dự kiến trong tháng 10 và 11/2026, phía Philippines sẽ tiếp tục đặt thêm các đơn hàng mới theo nhu cầu thương mại hóa tăng cao. Hiện Philippines mới cấp phép sử dụng vaccine AVAC ASF LIVE cho lợn thịt. Đối với lợn nái, kết quả đánh giá bước đầu cho thấy vắc-xin có độ an toàn, song phía Philippines đang tiếp tục nghiên cứu, đánh giá để xem xét đăng ký sử dụng cho đối tượng này trong thời gian tới.

Việc xuất khẩu đơn hàng vắc-xin AVAC ASF LIVE thương mại đầu tiên sau khi được cấp phép lưu hành tự do không chỉ mở ra cơ hội tiếp cận thị trường Philippines mà còn góp phần khẳng định chất lượng vắc-xin do doanh nghiệp Việt Nam nghiên cứu, sản xuất.

MINH CHÂU

Mùa hành tím

TẠI XÃ VẠN TƯỜNG, TỈNH QUẢNG NGÃI











MUỐI NINH DIÊM

Món quà của biển











www.khuyennongvn.gov.vn

Quét để tải tài liệu